

**LẠC BANG VĂN LOẠI****QUYỂN 4**

Loại Tạp Văn (Ba mươi ba bài).

1. Duy-ma số: Chỉ rõ bốn thứ cõi Phật do Thiên Thai Trí Giả Đại sư giảng.
2. Quán kinh số: Nói Tông chỉ của bốn cõi Tịnh Độ.
3. Vạn Thiện Đồng Quy Tập: Chọn bày Tây phương của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.
4. Di-đà Thông Tán: Riêng khen Tây phương của Pháp sư Từ Ân Khuy Cơ.
5. Tịch Chiếu Tập: Chọn ra yếu nghĩa Tây phương, xuất xứ từ Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi tập.
6. Tây Tư Sa. Chọn bày riêng khen ngợi Tây phương của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.
7. Thư thỉnh Pháp sư Tứ Minh trụ lại thế gian của Văn Công Dương Úc.
8. Trả lời thư thỉnh trụ lại thế gian của Dương Văn Công của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ.
9. Đáp lời hỏi của Dương Văn Công của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ.
10. Số Diên Khánh khuyên mọi người niệm Phật của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ.
11. Vãng sinh Tịnh độ Quyết Nghi môn của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.
12. Nghĩa Học Biên Luận Tịch Giải Phấn của Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc.
13. Giải đáp về tu nhân Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.
14. Giải đáp về ma và Phật của Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.
15. Nói về duy tâm Tịnh độ của Pháp sư Viên Biện Đạo Sâm.

16. Bài duy tâm Tịnh độ của Thiền sư Cô Tô Thủ Nột.
17. Nói về khuyên tu Tây phương của Pháp sư Giải Không Khả Quán.
18. Tịnh độ Lược Nhân của Đãi Chế Triều Thuyết Chi.
19. Các thuyết khác về Tịnh độ của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.
20. Tịnh độ Tự Tín Lục Ký của Vô Công Tấu Vương Điền.
21. Nói về chuyên tu và tạp tu Tịnh nghiệp của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.
22. Luận rõ về Hoàn xuất và Thụ xuất của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.
23. Phép mười niệm buổi sáng của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức.
24. Phương pháp niệm Phật của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức
25. So sánh công đức niệm Phật của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức.
26. Pháp quán Thiền vắng sinh của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức.
27. Thuật niệm Phật tu tâm của Pháp sư Sơn Đường Ngạn Luân.
28. Luận Bảo Vương: Chọn bày nghĩa vắng sinh của Thiền sư Thảo Đường Phi Tích.
29. Niệm Phật phương tiện văn của Tư Giám Giang Công Vọng.
30. An tượng Phật A-di-đà ở viện Vô Thường, xuất xứ Vô Tân Đăng.
31. Lâm Chung Chánh Niệm Quyết của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.
32. Khi sắp qua đời thỉnh tăng niệm Phật được cảm ứng xuất xứ trong Bảo Châu Tập.
33. Nhập Quán khi ngủ, phát nguyện thấy Phật, xuất xứ trong Đại Tạng Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi.
34. Khánh sáu lễ Phật hội sơ của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.

***1. Duy-ma kinh Sớ chỉ rõ bốn thứ cõi Phật do đại sư Thiên Thai Trí Giả Giảng:***

Tương các cõi Phật khác nhau vô lượng vô biên, ở đây nói sơ lược có bốn:

- a. Cõi nhiễm tịnh, Phàm Thánh ở chung.
- b. Cõi khác, người phương tiện ở.

c. Cõi quả báo, thuần là pháp thân ở.

d. Thường tịch quang, nơi bậc Diệu giác ở.

Hai thứ cõi trước thuộc về ứng là nơi ứng Phật ở, cõi thứ ba thuộc về ứng, vừa thuộc về báo, là nơi báo thân Phật ở. Cõi thứ tư chỉ thuộc về chân tịnh, chẳng thuộc ứng thân, chẳng thuộc báo thân, là nơi Pháp thân Phật ở.

- Cõi nhiễm tịnh: Có hai: Đồng cư uế và Phàm Thánh đồng cư. Phàm Thánh đồng cư lại có hai loại:

- Phàm cư: Bốn đường, tức chúng sinh ác ở và cõi trời người tức chúng sinh thiện ở.

- Thánh cư: Bậc Thánh thật sự tức bốn quả Thanh văn, Bích-chi-Phật, Thông giáo cho là lục địa, Biệt giáo cho là Thập trụ, Viên giáo cho là sau Thập tín. Thông giáo cho là ở đây kiết hoặc đã hết nhưng báo thân vẫn còn. Quyền Thánh: Nơi Pháp thân Bồ-tát và Diệu giác Phật vì lợi ích kẻ có duyên mà ứng sinh Đồng cư, đều là quyền.

Đây là các Phương tiện độ, Thật báo độ và Tịch quang độ. Vì cùng kẻ phàm ở chung nên gọi là Phàm Thánh đồng cư. Cùng ở với bốn đường chúng sinh nên gọi là cõi uế. Cõi Đồng cư Tịnh độ là nước Vô Lượng Thọ, tuy có quả báo thù thắng khó thể ví dụ nhưng vẫn là cõi Phàm, Thánh, nhiễm tịnh đồng ở. Vì sao? Tuy có bốn đường chúng sinh nhưng có trời người, vì kẻ sinh về đó chưa hẳn hoàn toàn là kẻ đắc đạo, kinh nói: Kẻ phạm trọng tội, khi lâm chung biết sám hối, niệm Phật thì nghiệp chướng chuyển đổi liền được vãng sinh. Nếu chỉ là nơi bậc Thánh sống thì kẻ phàm phu nguyện sinh về được. Nên biết, tuy đủ các thứ mê hoặc, nhiễm trước nhưng cũng được ở chung. Cõi các bậc Thánh quyền thật cũng vậy. Chỉ cần không có bốn đường ác thì gọi là tịnh. Hỏi cõi uế chiêu cảm mười điều ác, bốn đường y, chánh lại chợt khác biệt. Đáp: Hai nơi tu nhân thiện tên gọi tuy đồng nhưng vì Tịnh độ tu nhân thiện tinh vi hơn nên y, chánh của Phàm Thánh khác hơn cõi uế.

- Cõi khác: Là nơi hàng Nhị thừa và ba loại Bồ-tát chứng đạo phương tiện ở. Vì sao? Nếu tu hai quán dứt hết các hoặc chung, hằng sa hoặc riêng vô minh chưa dứt hết, bỏ thân phần đoạn mà sinh cõi ngoài (ngoài ba cõi) nhận thân pháp tánh liền có chỗ ở của biến dịch thì gọi là cõi Hữu dư, cũng gọi là cõi Phương tiện, vì người hành phương tiện ở đấy. Cho nên luận Nhiếp Đại thừa nói bảy thứ sinh tử. Đây là phương tiện sinh tử thứ tư.

- Cõi Quả báo, tức là Hoa Tạng thuần Pháp thân các Bồ-tát ở đấy. Phá vô minh, hiển pháp tánh, được quả báo chân thật, mà vô minh

chưa dứt, thắm nghiệp vô lậu nhận pháp tánh, Báo thân nên gọi là cõi Quả báo. Vì quán thật tướng phát chân vô lậu mà được quả báo nên gọi là thật, tu nhân vô định, sắc tâm vô ngại, cũng gọi là cõi Thật báo vô chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Nhân-đà-la Võng là đó.

- Cõi Thường tịnh quang là bậc Diệu Giác trí tột cùng chiếu ra lý Như như Pháp giới gọi là cõi nước, cũng gọi là cõi Pháp tánh, đều là Chân như Phật tánh. Không phải thân không phải cõi mà nói thân, cõi, lìa thân không có cõi, lìa cõi không có thân. Gọi cõi ấy là một pháp mà hai nghĩa. Ngài Phổ Hiền quán Tỳ-lô-giá-na trụ xứ gọi là Thường Tịch Quang.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói mười thứ cõi Phật thì bốn thứ này có bao gồm hết chăng?

Đáp: Đâu chỉ nhiếp đủ mười, cho đến có người nói kinh viết hai mươi bảy thứ cõi Phật. Cõi Vô Lượng Thọ (Cực lạc) chỉ là cõi thứ sáu. Hiện bốn thứ nói trong văn này đều nhiếp hết tất cả.

Hỏi: Sao không y theo mười cõi và hai mươi bảy cõi?

Đáp: Có một văn xưa muốn mượn ý để đối với bốn giáo nên ý khó thấy.

## ***2. Quán kinh sơ: Nói về tông chí của bốn cõi.***

Kinh này lấy tâm quán tịnh thì cõi Phật tịnh làm tông chí. Bốn thứ cõi Phật là Phàm Thánh đồng cư độ, Phương tiện hữu dư độ, Thật báo vô chướng ngại độ và Thường tịch quang độ. Mỗi thứ đều có tịnh uest, năm trước khinh, trọng. Đồng cư uest, tịnh phân tích về thể có khéo, vụng: Hữu Dư tịnh, uest thứ lớp đốn nhập. Thật Báo tịnh, uest có phần chứng rốt ráo. Tịch Quang tịnh, uest cõi Ta-bà, tạp ác gai góc, ngói đá, bất tịnh dầy dầy là đồng cư uest; cõi An dưỡng thanh tịnh, ao nước tám đức, cây bày bảy báu, kế sau Nê-hoàn đều là nhóm chánh định, là cõi Phàm Thánh đồng cư thượng phẩm Tịnh độ vậy. Cõi Phương tiện hữu dư là nơi ở của người tu đạo Phương tiện, vì dứt bỏ bốn trụ hoặc nên gọi là Phương tiện. Vì vô minh chưa hết nên gọi là Hữu dư. Thích Luận có nói: Ra ngoài ba cõi thì có Tịnh độ. Thanh văn, Bích-chi-Phật sinh về đó, được thân pháp tánh, không phải phần đoạn sinh. Trong đó lại có lợi, độn, cõi trên là tịnh, cõi dưới là uest. Cõi Thật báo vô chướng ngại là thực hành pháp chân thật mà cảm được quả báo tốt, sắc tâm không ngại nhau, nên nói là vô chướng ngại, toàn là các Bồ-tát ở đây, không có Nhị thừa. Kinh Nhân Vương nói: Tam Hiền mười Thánh ở quả Báo tức là nghĩa này. Kinh Hoa Nghiêm nói “Vô lượng hương vân đài” tức là năm

trần diệu tịnh ở cõi ấy. Lại luận thứ lớp có đốn ngộ, thượng hạ uế tịnh... Cõi Thường tịch quang: Thường tức là pháp thân, Tịch tức là giải thoát, Quang tức Bát-nhã, ba điểm này ngang dọc không khác nhau, đều gọi là Bí mật tạng, là chỗ ở của Đức Phật Như Lai là cõi tịnh, chân thường rốt ráo cực vị. Phần đặc, rốt ráo, trên dưới, uế tịnh... Cho nên tu tâm diệu quán thì cảm được Tịnh độ là tông chỉ của kinh.

Tứ Minh Diệu Tông giải thích rằng: Pháp Đại thừa là cốt yếu ở tâm. Tâm đầy đủ thì dễ biết, sắc đầy đủ thì khó hiểu, cho nên quán mình quán người đều tu tâm quán. Nay quán Tịnh độ phải cầu ở tâm. Vì tâm hay đầy đủ nên tâm có khả năng tạo tác, cho nên tâm cấu thì độ cấu, tâm tịnh thì độ tịnh. Đây cũng chỉ chung, chưa phải là đích luận ở một tâm đốn tu ba quán. Quán này là quán y chánh ở An dưỡng, rốt ráo thanh tịnh gọi là Tâm quán tịnh. Quán này có công năng khiến bốn cõi Phật thanh tịnh như thế mới là tông chỉ của kinh này. Năm thứ trước đầu nhẹ thuộc về đồng cư tịnh. Tịnh này rất chung cần biết ý riêng, như giới giữ tốt thì bốn giáo phạm vị đều có thể khiến năm trước nhẹ mỏng, cảm Đồng cư tịnh, Viên quán trước nhẹ cảm Đồng cư tịnh, y chánh rất thanh tịnh như kinh này nói: Quán đất trở đi, mỗi mỗi tướng trạng so với các kinh khác tu các hạnh lành cảm được cõi An dưỡng, tướng nó rất khác. Kinh này vốn do Vi-đề-hy chán cõi Đồng cư uế mà cầu Đồng cư tịnh. Cho nên nói là diệu quán quán y chánh kia, nếu ba quán thành thì thô cấu hết trước, không phải hữu dư tịnh thì còn sinh nơi nào? Nên biết chính là sinh Đồng cư tịnh. Cho nên nói ba quán bởi do quán diệu dứt bỏ được ba hoặc, chẳng phải chỉ cảm được cõi Đồng cư tịnh. Mà tùy theo sự dứt hoặc sâu cạn tự nhiên cảm được ba thứ hữu dư v.v.. Như bệnh cần uống thuốc vốn để thân yên, nay cầu được thuốc tiên cần phải uống vào, không chỉ thân an mà được cả khinh cốt. Thân an thì dụ cho sinh Đồng cư tịnh, còn khinh cốt thì dụ cho cảm được ba cõi trên. Chỉ là thuốc hay công hiệu như thế, thì một diệu quán thanh tịnh được cả bốn cõi.

### ***3. Vạn Thiện Đồng Quy Tập: Chọn bìa Tây phương (Sáu lớp vấn đáp) của Thiên sư Trí Giác Diên Thọ.***

Hỏi: Duy tâm Tịnh độ tròn khắp cả mười phương sao lại gá chất đài sen, gởi thân An dưỡng mà khởi niệm lấy, bỏ. Há thấu suốt pháp môn Vô sinh, tâm còn sinh ham, chán thì làm sao thành bình đẳng?

Đáp: Duy tâm Phật độ là hiểu rõ tâm mới sinh. Kinh cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai nói tất cả Đức Phật ba đời đều không thật có, chỉ y vào tâm mình, nếu Bồ-tát hiểu rõ được các Đức

Phật và tất cả pháp đều do tâm lượng, được tùy thuận nhẫn, hoặc vào Sơ địa, bỏ thân liền sinh về cõi Phật Cực lạc. Cho nên biết rõ tâm mới sinh duy tâm Tịnh độ. Còn đắm cảnh chỉ rơi vào cảnh sở duyên. Đã biết rõ nhân quả không sai, thì biết ngoài tâm không pháp. Lại pháp môn bình đẳng, ý chỉ vô sinh, tuy liền ngưỡng giáo sinh tín, năng lực chưa đủ mà quán cạn, tâm phù động, cảnh mạnh, thói quen nặng thì phải sinh về cõi Phật để nhờ duyên tốt, nhẫn lực dễ thành, mau hành đạo Bồ-tát. Luận Khởi Tín nói: Chúng sinh mới học Pháp ấy muốn cầu chánh tín mà tâm khiếp nhược, vì ở cõi Ta-bà không thường gặp Phật, nên tín tâm khó thành, ý muốn lui sụt. Phải biết Như Lai có phương tiện hay, giữ gìn được tín tâm, đó là chuyên ý niệm Phật nhân duyên, tùy nguyện được sinh cõi Phật, thường được thấy Phật, xa lìa hẳn đường ác. Nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà Tây phương thì liền được vãng sinh, thường được thấy Phật, cho nên không bao giờ lui sụt. Luận Vãng sinh nói người dạo chơi cửa địa ngục sinh lên cõi nước ấy được Vô sinh nhẫn, rồi trở lại cõi sinh tử mà giáo hóa cứu khổ chúng sinh trong địa ngục, do duyên cố này mà cầu sinh Tịnh độ. Luận Thập Nghi nói: người trí hăng hái cầu sinh Tịnh độ, thấu rõ thể của sinh không thật có thì liền là chân vô sinh. Đây gọi là tâm tịnh nên cõi Phật tịnh. Còn người ngu bị sinh ràng buộc nên khi nghe sinh liền cho là có sinh, nghe không sinh liền cho là không sinh, mà chẳng biết sinh tức là không sinh, không sinh tức là sinh. Chẳng hiểu rõ lý này nên bị vướng phải thị phi, phải quấy. Đây là người tà kiến chê bai pháp vậy.

Hỏi: Cả một đời thói quen tội ác chất đầy, làm sao khi sắp qua đời mười niệm liền sinh ngay được?

Đáp: Kinh Na-tiên nói: Quốc vương hỏi Sa-môn Na-tiên rằng: Người ở thế gian làm ác đến trăm tuổi, khi qua đời niệm Phật thì được sinh về cõi nước Phật, ta không tin điều ấy. Na-tiên thưa: như đem tảng đá nặng để trên sông, nhờ có thuyền nên không chìm. Còn người tuy có gốc ác nhưng lúc niệm Phật thì chẳng vào địa ngục. Viên đá nhỏ mà chìm thì cũng như người làm ác mà không biết niệm Phật thì liền phải vào địa ngục. Lại, Trí Luận có hỏi rằng: Khi sắp chết, tâm trong một thời gian quá ngắn làm sao thắng được việc làm ác trọn đời? Đáp: Tâm này tuy trong một thời gian ngắn nhưng rất mạnh mẽ quyết liệt như lửa, thuốc độc tuy ít nhỏ mà làm ra việc lớn. Tâm khi sắp chết quyết là dũng mãnh cho nên hơn cả gắng sức làm suốt trăm năm. Hậu tâm ấy gọi là đại tâm và các căn trong lúc gấp, như người vào trận chẳng tiếc thân mạng nên gọi là mạnh mẽ. Cho nên biết thiện ác không định, thể của

nhân duyên là không, dấu vết có lên xuống, việc phân ra hơn kém. Như vàng ròng một lượng thì hơn cả trăm lượng bông khô, một đốm lửa nhỏ đốt cháy tan cả đám cỏ muôn nhận.

Hỏi: Ngoài tâm không có pháp, Phật chẳng tới lui sao có việc thấy Phật đến rước?

Đáp: Duy tâm niệm Phật. Dùng duy tâm mà quán khắp cả muôn pháp. Đã hiểu rõ cảnh chỉ là tâm, hiểu rõ tâm tức là Phật, cho nên hễ tâm niệm chỗ nào thì đều là Phật cả. Kinh Ban-chu nói: Như người nằm mộng thấy bảy báu, bà con vui vẻ. Khi thức dậy rồi thì tìm nhớ chẳng biết là ở đâu. Niệm Phật cũng thế, đây là dụ chỉ do tâm làm tức có mà không, cho nên không có tới lui. Lại như huyễn không thật thì tâm và Phật cả hai đều mất. Đều là huyễn tướng thì không hư hoại tâm và Phật, và hữu không vô ngại, thì không tới lui, chẳng ngại thấy khắp. Thấy tức không thấy, thường hợp với trung đạo. Do đó Phật thật chẳng đến, tâm cũng chẳng đi, đường cảm ứng giao nhau chỉ tâm tự thấy. Như chúng sinh gây ra tội thì chiêu cảm ra tướng địa ngục. Luận Duy Thức nói: Tất cả như ở địa ngục cùng thấy có ngục tốt... các việc hành hạ khổ đau, đều là tâm nghiệp ác của người tội hiện ra. Không phải ngoài tâm mà thật có chó đồng, rắn sắt v.v... Ở thế gian tất cả các việc cũng giống như thế. Tất cả đều có đủ cõi Phật Giá-na, không hạn cục ở Đông, Tây. Nếu hiểu đúng đắn rõ ràng như thế thì các thói quen nhiều đời đều hết, lý lượng cùng thân.

Hỏi: Bàn Cư sĩ nói: Về mặt sự thì nói cõi nước Phật cách đây mười muôn dặm, biển lớn mênh mông vô biên hễ động thì nổi gió, người đi tuy ngàn muôn nhưng kể đến chẳng được một, hai. Bồng gặp người xưa nay chẳng ở nhân duyên làm sao thông hiểu mà chứng vãng sinh?

Đáp: Nếu nêu tông khảo thì còn không nói có Phật có cõi, há nói là đến hay không đến. Cho nên thiên chân sẵn có, không nhờ nhân duyên, chẳng động mảy lông, thường ngậm thấy được chân thể. Nếu nói về sự thì chẳng phải có một thứ chín phẩm vãng sinh, trên dưới đều đến (đạt). hoặc du hóa ở các cõi nước mà thấy Ứng thân Phật, hoặc sinh Báo độ mà thấy chân thể Phật, hoặc chỉ một tối mà lên Thượng địa, hoặc trải qua nhiều kiếp mới chứng Tiểu thừa, hoặc độn căn, lợi căn, hoặc định ý, tán ý, hoặc ngộ mau chậm, căn cơ khác nhau hoặc hoa nở sớm muộn, thời hạn có khác, xưa nay có ghi chép đủ. Phạm Thánh đều sinh, hạnh tướng rõ ràng, chứng nghiệm thấy Phật, tiếng Phạm âm chẳng đối gặt người, kinh khen ngợi Tịnh độ nói: “Hằng hà sa số các



Đức Phật ở mười phương phát ra tướng lưới rộng dài che khắp cả đại thiên” chứng nghiệm có vãng sinh đâu phải là nói dối.

Hỏi: Kinh Duy-ma-cật nói: Đây đủ tám pháp, ở thế giới này hành không sai sót sẽ sinh Tịnh độ, những gì là tám? Một là làm lợi ích chúng sinh mà không mong báo đền, thay thế tất cả chúng sinh chịu các khổ não. Làm các công đức đều đem cho hết. Bình đẳng tâm đối với chúng sinh, khiêm tốn vô ngại. Đối với các Bồ-tát đều xem như Phật, các kinh chưa nghe đều nghe không nghi ngờ, không trái với Thanh văn, cũng không ganh ghét về lợi dưỡng. Ở trong đó điều phục tâm mình, luôn xét lỗi mình, không nói lỗi người khác. Luôn một lòng cầu các công đức.

Hỏi: Vì sao người hành kém, thiện ít mà được vãng sinh?

Đáp: Theo lý thì cần phải đầy đủ. Đây thuộc hàng đại căn, tám pháp không sai sót, thành tựu bậc Thượng phẩm, còn bậc Trung hạ chỉ có đầy đủ một pháp, quyết chí không dời đổi cũng được Hạ phẩm.

Hỏi: Kinh Quán nói mười sáu pháp quán đều là nhiếp tâm tu định, quán tướng tốt của Phật, hiểu chắc đế lý mới sinh cõi Tịnh, thì làm sao tán tâm mà được vãng sinh?

Đáp: Văn kinh nói chín phẩm có lên xuống, trên dưới thâm gồm không ngoài hai tâm:

1. Định tâm như tu định, tu quán thì vãng sinh Thượng phẩm.

2. Chuyên tâm chỉ niệm danh hiệu, huân tập các điều lành đều hồi hướng phát nguyện thì được thành phẩm cuối. Nếu cả một đời đến chết quy mạng tinh tu, trong lúc ngồi nằm đều xây mặt về hướng Tây, hành đạo kính lễ. Khi niệm Phật phát nguyện thì chí thành khẩn thiết không có các niệm khác. Như đang lúc bị hành hình, bị giam trong tù ngục, bị giặc cướp đuổi gáp, bị nước lửa ép ngặt... mà một lòng cầu cứu nguyện thoát vòng khổ, được mau chứng Vô sinh, rộng độ chúng sinh, nối thạnh Tam bảo, thề báo đáp bốn ân. Như thế mà chí thành thì sẽ không luống uổng. Nếu như lời nói việc làm không ăn khớp, tín lực yếu kém không niệm niệm nối nhau, luôn có ý bỏ, đặc biệt biếng lười. thì khi qua đời mong sinh, ắt bị nghiệp chướng ngăn cản, sợ khó gặp được bạn lành, bị gió lửa bức bách, chánh niệm không thành. Vì sao thế, vì như nay là nhân, khi lâm chung là quả. Nếu tu nhân thật thì quả mới không dối. Tiếng hòa thì vang thuận, hình ngay thì bóng thẳng. Chủ yếu khi qua đời đầy đủ mười niệm, phải lo trước bốn cầu, chứa góp công đức. Bây giờ niệm niệm không thiếu thì chẳng còn lo lắng gì. Phạm thiện, ác hai dòng, khổ, vui hai báo đều do ba nghiệp làm ra, bốn duyên tạo thành, sáu nhân gây nên, năm quả nhiếp nhau. Nếu một niệm tâm tức giận, tà



dâm thì tức là nghiệp địa ngục; nếu san tham không thật tức là nghiệp ngạ quỷ, nếu ngu si tối tăm tức là nghiệp súc sinh. Ngã mạn cống cao tức là nghiệp Tu-la. Giữ vững năm giới tức là nghiệp người. Tinh tu mười điều lành tức là nghiệp trời. Chứng ngộ nhân không tức là nghiệp Thanh văn. Biết duyên tánh lìa tức là nghiệp Duyên giác. Sáu độ đều tu tức là nghiệp Bồ-tát. Chân từ bình đẳng tức là nghiệp Phật. Nếu tâm tịnh thì đài hương, cây báu cõi Tịnh hóa sinh. Nếu tâm cấu thì gò, đồi, ham, hố ứ đọng thối chất. Đều là quả Đẳng luân, chiêu cảm được duyên tăng thượng. Ấy là lìa nguồn tự tâm thì chẳng có tự thể riêng. Kinh Duy-ma nói: Muốn được cõi Tịnh độ thì phải tịnh tâm mình, hễ tâm mình tịnh thì cõi Phật liền tịnh. Lại kinh nói: Tâm cấu nên chúng sinh cấu, tâm tịnh nên chúng sinh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: Ví như báu tâm vương, tùy tâm mà thấy chúng sinh, vì tâm chúng sinh tịnh nên được thấy cõi thanh tịnh. Kinh Đại Tập chép muốn tịnh cõi ông chỉ nên tịnh tâm ông. Cho nên biết tất cả trở về tâm, muôn pháp do ngã, muốn được quả tịnh chỉ nên gây nhân tịnh. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên. Thế số như thế còn có nghi gì.

#### ***4. Di-đà Thông Tán: Chỉ bày yếu nghĩa Tây phương của Pháp sư Từ Ân Khuy Cơ.***

Hỏi: Cõi Phật khắp mười phương vui sướng đều đồng nhau, sao chỉ riêng Tây phương khuyên người sinh lên đó?

Đáp: Bởi vì phàm phu nghiệp nặng nơi nơi sinh tham đắm. Nếu không chỉ riêng một phương thì sẽ không buộc tâm chuyên chú. Do đó, kinh Pháp Hoa nói: Chúng sinh nơi nơi đều mê đắm nên dẫn dắt khiến thoát ra. Lại giáo chủ Tịnh độ Tây phương thù thắng, có nguyện rộng lớn mạnh mẽ, khuyên khắp vãng sinh, mau thành quả Thánh nên phải chỉ riêng một phương.

Hỏi: Tầng trời của Từ Thị vui sướng không ít, bạn lành lại đông thì cần gì khuyên cầu sinh Tây phương?

Đáp: Nếu luận về Đâu-suất thì hơn cõi nhân gian nhưng so với Tây phương thì rất thua kém. Nên khuyên sinh Tây phương là bỏ kém tìm hơn. Về hơn kém thì Tịnh độ có mười hơn, cõi trời có mười kém. Mười hơn của Tịnh độ là:

1. Nơi Hóa chủ ở.
2. Người được hóa sinh sống lâu hơn.
3. Cõi nước không bị ba cõi ràng buộc.
4. Cõi tịnh không có dục.

5. Không có người nữ.
6. Tu hành không lui sụt.
7. Cõi tịnh không uế.
8. Cõi nước trang nghiêm.
9. Niệm Phật nhiếp căn.
10. Mười niệm vãng sinh.

Mười kém của cõi trời là:

1. Cõi nước chỗ ở kém.
2. Người được hóa sinh mạng sống ngắn.
3. Cõi nước phải lệ thuộc ba cõi.
4. Cõi ấy có dục.
5. Nam nữ ở chung.
6. Tu hành có lui sụt.
7. Cõi uế không tịnh.
8. Cõi nước không trang nghiêm.
9. Niệm thiện nhiếp tình.
10. Tu hành cực khổ.

Vì có mười hơn, mười kém nên khuyên sinh Lạc quốc.

Hỏi: Chúng sinh cõi nước ấy không có các điều khổ, chỉ hưởng các điều vui. Vì sao không có các khổ?

Đáp: Chúng sinh cõi nước ấy hóa sinh trong hoa sen nên không có khổ sinh. Bốn mùa không đổi nên không có khổ chết. Không còn bị thân phần đoạn nên không có khổ bệnh. Tuổi thọ không hết nên không có khổ chết. Không có cha, mẹ, thân, sơ nên không có khổ ghét mà gặp nhau. Muốn gì đều được như ý nên không có khổ cầu không được. Dung mạo xinh đẹp nên không có khổ các căn bị thiếu. Bốn mùa như một nên không có khổ lạnh, nóng. Thế giới Ta-bà có hình xác hữu lậu, bốn rấn đuổi thân, ba rỗng hại mạng, gây bao khổ não. Báo hết thì chết đến, có thương ắt lìa, không oán thì chẳng gặp. Nếu mê lý này thì phải chịu các ấm trói buộc. Nay thương cứu mọi người khỏi hẳn không bị các thứ này cho nên nói không có các khổ, đâu phải chỉ gần chết mới lìa các khổ, trong khi quả mầu lại chẳng còn xa.

Hỏi: Khi sắp chết làm điều lành liền được vãng sinh, đâu cần tu trước các nghiệp lành?

Đáp: Người đời thọ yếu khó lường, hoặc bị bệnh liên hôn mê, hoặc chết tốt không đúng lúc. Đã thiếu các điều lành thuở sinh tiền thì khó tránh các nạn đời sau, làm trước các duyên lành để đề phòng lỗi này.

Hỏi: Mười niệם Di-đà liền sinh Tịnh độ, căn cứ vào lời nói này thì quả nhiều, nhân ít. Sao kinh Di-đà lại nói không thể với chút ít nhân duyên phước đức gốc lành mà được sinh về cõi ấy?

Đáp: Mười niệם được sinh là để dắt dẫn chúng sinh biếng lười từ kiếp trước có nhiều nhân duyên lành và đã tinh cần, có khi nói rộng, có khi nói tóm lược, lý chẳng trái nhau.

Hỏi: Người vãng sinh có thân trung hữu không?

Đáp: Trong luận Quần Nghi có hai thuyết:

a. Cực thiện cực ác thì không có thân trung hữu.

b. Không cần thiện hay ác chỉ bỏ báo thân mà thọ sinh thì đều có thân trung hữu. Vì truyền thức cho nên chỉ trừ biến thân hiện đời không có trung hữu, ở đây nói có là đúng.

### **5. Tịch Chiếu Tập: Chọn ra yếu nghĩa Tây phương.**

(Văn này không biết của sư nào soạn, chỉ thấy xuất xứ từ Trục Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập).

Hỏi: Ngài Từ Ân soạn Di-lặc Thượng Sinh kinh sơ rất khen nội viện Đâu-suất, bảo rằng: cõi trời có mười điều dễ sinh, Tịnh độ có bảy điều khó sinh. Thánh sư nói ra ắt không hề gạt người, chẳng hay phải hiểu thế nào?

Đáp: Ông chỉ biết Từ Ân soạn Thượng Sinh sơ khuyên nên sinh cõi trời mà không biết Di-đà Thông Tán nói Tịnh độ có mười việc hơn, việc Thánh sư soạn ra có trái nhau chẳng? Bởi điển giáo tùy cơ mà bày phương tiện. Ở đây cùng với Như Lai nói trong kinh Di-đà và Vô Lượng Thọ v.v... đều khuyên sinh Tây phương. Lại nói kinh Di-lặc Thượng Sinh khuyên sinh nội viện thì ý thú phải đồng nhất, còn cơ duyên chúng sinh mỗi người đều khác nhau nên cõi Phật nhiếp thọ cũng thế. Ví như có người sinh ở phía Nam nơi có nhiều thuyền bè, muốn đi Ngô Việt bèn chuẩn bị đồ đạc hỏi đường... Người biết đường thì đáp lời hỏi, há lại khen việc đi đường bộ tiện lợi, khen ngợi sự hưng thịnh hành ở Tần, Thục ư? Như thế thì chỉ thêm rối loạn, lợi ích không thành. Kể thông suốt thì tùy nguyện mà biết về, người thấy cạn sẽ nghi ngờ mà cưỡng sinh Hồ, Việt.

Hỏi: Ở cõi trời sống lâu đủ để tu hành, trong cõi người chứa góp nhiều điều lành thì cũng tự siêu việt, còn như ba đường ác A-tu-la, rồng, quỷ chính nên cứu khổ lợi sinh, sao lại chỉ biết có Cực lạc?

Đáp: Các tầng trời cõi Dục đam mê diệu lạc, say đắm tử dục, phước hết liền đọa như tên bắn. Các tầng trời cõi Sắc tuy đi một mình

không giao tiếp nhưng chưa hết các khổ của thân. Trời Vô Sắc cũng không ra khỏi luân hồi, trong kinh xếp vào loại nạn. Truyền Đại sĩ cho rằng sống đến tám mươi kiếp cuối cùng rồi cũng rơi vào không. Lại có một loại thần tiên sống đến ngàn muôn tuổi. Kinh Lăng-nghiêm gọi là tinh nghiên bảy thứ, đều là hôn trầm các tướng hữu vi, vọng tưởng thọ sinh, trải qua vô lượng kiếp chẳng được chân tịnh. Tu-la giận dữ, cõi rồng sợ sệt, loài quỷ tối tăm, ba đường khổ não khó thể nói hết. Nghĩ xa trên cõi trời có năm suy, gần thấy nhân gian có bốn tướng, ai có trí mà thích vào biển khổ? Nếu cầu mau thoát khỏi luân hồi, thì không gì hơn cầu sinh Tịnh độ. Người sinh Tịnh độ tự nhiên thân quang sáng rực, đủ sáu thần thông, làm bạn với Thánh chúng. Trong một sát-na vượt khỏi ba cõi mà thường vui. Nên Phật nói cõi nước Vô Lượng Thọ vui sướng vô cực, hòa hợp lâu dài cùng đạo đức, dứt bật cội gốc sinh tử.

Hỏi: Thấy tánh ngộ đạo liền thoát khỏi sinh tử, đâu cần phải niệm Phật cầu sinh?

Đáp: Thông suốt và mê muội tâm người Thánh, phạm sao lường được, trừ phi biết khắp, được thọ ký rất khó. Người chân tu hành nên tự xét. Nay nhân giả, ông nên tự xét mình có thấy tánh ngộ đạo được vào địa vị bậc thầy bằng Mã Minh, Long Thọ chẳng? Được đại Tam-muội có bằng Nam Nhạc Trí Giả chẳng? Tông Thuyết đều thông có bằng Thọ Thiền sư, Trung Quốc sư chẳng? Các sư trên đều là các bậc sáng suốt, ngôn giáo sâu xa nhưng đều khuyên cầu sinh về Tây phương, há lại lừa dối người ư? Huống chi từ kim khẩu của Phật khen ngợi rành rành. Các bậc Hiền xưa đều kính trọng vâng theo lời Phật dạy chắc chắn không sai lầm. Lại tự so sức mình khi qua đời có tự tại chẳng, các nghiệp ác từ vô thủy chẳng hiện ra chẳng? Khi bỏ báo thân này có chắc chắn thoát luân hồi chẳng? Ba đường hiểm nạn có được ra vào tự do chẳng? Trên trời, nhân gian, thế giới mười phương có thác sinh vô ngại chẳng? Nếu được như thế thì may mắn thay. Nếu chưa được như thế chớ nên cố gắng cao mà chẳng tu Tịnh độ.

Hỏi: Lục Tổ Đàn kinh chép: Phạm ngu chẳng hiểu tự tánh chẳng biết Tây phương ở trong thân lại cầu đây, kia. Người giác ngộ cùng ở một chỗ. Ngài Chí Công nói: Người trí biết tâm là Phật, kẻ ngu thích đến Tây phương, nếu đạo này quả là chân chánh thì cơ gì hai vị Đại sĩ lại bài bác, khiển trách?

Đáp: Phật nói pháp có ẩn, hiển, giáo có quyền, thật, căn cơ người có lợi, độn, Tông sư có hạ thấp, đề cao. Ví như bệnh khác nhau thì thuốc thang phải khác. Nay có người bệnh khác phát da vàng sinh điên loạn.

Có người giỏi thuốc sẽ lấy thuốc hàn mà trị, đâu thể không khen nữ thạch, quế phụ có công năng trừ hàn mà phớt bỏ công năng của nó? Có kẻ thiên kiến nghe thuốc hàn có công trị nhiệt, bèn nói nữ thạch, quế phụ vĩnh viễn không thể dùng, há chẳng lầm ư? Đức Đạt-ma riêng truyền tâm ấn, ngài Chí Công ngầm giúp Đại thừa. Người đương thời còn chưa tin, đâu thể lại bỏ dạy người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, kẻ viên cơ đạt sĩ cố nhiên tự không nghi. Kẻ cầu pháp sơ tâm chắc chắn sinh do dự. Chỉ nên được ý mà quên lời, dung thông hiểu rõ thì không còn mâu thuẫn nữa.

**6. Tây Tư Sao: Chọn bày riêng khen ngợi Tây phương của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.**

Cầu sinh Tịnh độ là nhờ tha lực. Đức Di-đà nguyện nhiếp, Đức Thích-ca khuyến khen, các Đức Phật che chở, ba thứ ấy đầy đủ, nếu người có tín tâm thì vãng sinh rất dễ, cũng như qua biển lớn mà có thuyền to, có người dẫn đường giỏi, lại thêm thuận gió thì sẽ nhanh chóng đến bờ kia. Nếu chẳng chịu lên thuyền mà ở mãi nơi nước dũ thì lỗi về ai? Trong mười phương đều có Tịnh độ, Đức Thích-ca trong các kinh cũng ngợi khen mà người tu hành đời mạt pháp cũng ưa thích cầu sinh nước Cực lạc, nguyện về cung trời Tri Túc. Há không phải Di-đà và Thích-ca hóa đạo có liên quan nhau, Di-lặc là Bồ xứ của Thích-ca. Do đó, chúng sinh nguyện thích rất đông, người ít hoặc lậu khá nhiều. Người đời sau biết cạn, không thể gia thêm công hạnh, chỉ luống cùng nhau bài bác người ưa thích Tịnh độ. Hoặc người khinh tri túc, tôn sùng nội viện thì chê bai Tây phương kia, đâu biết Hấp môn và Dẫn môn cùng về một nẻo. Xin khuyến kẻ hậu học phải tự suy nghĩ.

Có kẻ hỏi: Trí giả và Từ Ân đều là Thánh sư mà đều chỉ khen một phương, sa ông không chịu?

Đáp: Thánh sư chỉ khen một phương, ý dẫn khắp thích khiến cho tâm quyết định mà thôi. Cho nên người được lợi ích rất đông. Nhưng đời biến, người bạc đến nổi riêng khen thành tệ. Cho nên tôi lại dung hòa để dứt tranh cãi mà được lợi ích, sở thích của mình mà cầu sinh thì hoặc ở đời sau lại cho dung hòa là một điều tệ hại. Lại mong các bậc Hiền điều khiển thế gian chỉ khen mà cứu cho. Tùy bệnh cho thuốc, cốt làm lợi ích chúng sinh mà thôi. Từ lúc bé tôi đã tụng kinh này tuy tưởng khắp mười phương mà cuối cùng hện tâm ở Tịnh độ. Bèn biết Di-đà rất có duyên với người đời. Có người nói pháp giới trọn đồng nhau, ai chia kia đây, Duy tâm nhất quán đâu cần lui tới. Nay bảo người đời có

người hiểu như thế thì phải chọn chúng tốt mà nương, danh sư mà thân, mặc áo đẹp, ăn cơm ngon. Nếu bốn thứ ấy không ngại thì pháp giới vốn đồng, duy tâm nhất quán thì ngại gì dất dẫn tịnh chúng ở Cực lạc, gần gũi danh sư Di-đà, mặc thiên y diệu thượng, ăn thức ngon Thuần-đà, há chẳng hơn ở cõi này ư? Lại có người nghe nói cách mười muôn ức cõi Phật thì nhìn đường mà sợ xa người vãng sinh phần nhiều là Bồ sứ thì sợ mình không kịp. Đâu biết hư không giới mười phương đều là tâm mình. Tâm tịnh thì mười muôn ức chẳng xa, tâm cấu thì chớp mắt cũng xa. Chỉ cần tâm tịnh lo gì đường xa. Sao chẳng nghĩ trong mộng chỉ thời gian ngắn là đi xa ngàn dặm, đâu thể đem thời gian thường ngày mà so sánh! Lại há chẳng nghe kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: hư không mười phương sinh trong tâm ông cũng như áng mây trên bầu trời cao, hưởng là các thế giới ở trong hư không ư? Nay nếu sợ đường xa là sợ tâm mình chứ chẳng sợ đường. Lại nếu bảo ta là kẻ hạ phàm mà ở đó có nhiều Bồ xứ, chỉ tự tâm mình tức Phật, nhân quả lý đồng, nhưng ở đây là cõi uế ác, có mạng sống ngắn ngủi mà chỉ một đời thì vượt lên mười Địa, còn ở cõi ấy thì thanh tịnh lại sống lâu vô lượng. Đã cảnh đẹp, thời gian lâu dài thì lo gì chẳng đến Bồ xứ. Rất mong người trí lắng lòng suy nghĩ để khỏi phụ ân Phật Tổ, không coi thường mình. Hãy cố gắng, cố gắng!

### ***7. Thơ Thỉnh Pháp Sư Tứ Minh trụ lại thế gian của Văn Công Dương Úc.***

Tôi xin thưa, gần đây nghe Đại sư có hẹn kết xã với mười vị Tăng vào sám lễ trong ba năm, sau đó sẽ quyết nhận lấy Tịnh độ mà vãng sinh. Thân thấy đốn không, nguyện lực thật rộng lớn mạnh mẽ. Lên tuyệt chín phẩm hoa, sau nghe pháp âm cây báu. Việc này không phải luống không, Phật trước đã chứng biết. Nhưng con niệm liên tục tha thiết có nguyện tâm thành kính thưa: Đại sư vốn thông suốt chỉ quy ba quán, được bốn chúng kính ngưỡng. Hãy là người nối tiếp tuệ mạng của Thiên Thai mở rộng độ môn nhiệm mầu. Dùng mười điều lành dạy người, cuối cùng chỉ còn bạch nghiệp, một âm thanh giúp giáo, giảng rộng lời vàng (lời Phật) bóng Từ che khắp, đạo phong thấm hòa. Nhưng cõi Cực lạc là do đấng Giác Hoàng phương tiện quyền bày, mà thân đại hoạn thì người trí không ưa thích. Nhưng nếu còn ham chán thì sẽ khởi yêu ghét, đã có tâm lấy bỏ thì liền sinh cái chấp có sở năng. Rất mong Sư thông ngộ đã rốt ráo chân thường hãy thương kẻ sơ cơ mà khuyên gắng về tịnh hạnh. Lại mong theo ân chiếu mà mở rộng ruộng phước, kéo dài tuổi thọ, khôi phục lại hóa duyên. Vẫn mong sám kỳ đã xong

thì sẽ nương theo dấu pháp, ngổ hầu bắt chước Thuần-đà kính dâng lãn sau cuối, nguyện cùng mừng rỡ tâm cõi bỏ cấu trần. Mong ngài chớ sớm tịch diệt, xin hãy thương xót nhận lời. Kính xin đáp lời, con nguyện lắng lòng nghe kỹ.

**8. Trả lời thư của Dương Văn Công thỉnh trụ lại thế gian của Pháp sư Từ Minh Tri Lễ.**

Tôi trân trọng theo Sám Giảng của Bốn Tông giáo quán mà kính đáp Bí-giám Đại Đàn-việt. Tri Lễ tôi đội ân lời thật khuyển tôi sám lễ xong sẽ ở lại diễn giảng, vâng hành theo tôn ý mà sửa lại nguyện xưa. Nhưng vì chuyên thành môn này đã lâu, chí hèn thật khó thể đổi dời. Huống là dịp may khó gặp, việc tốt dễ qua cho nên muốn gác lại tâm xưa thì quả chẳng thể vâng theo nghiêm mạng. Vì như việc truyền Pháp công đức lợi người là việc lợi ích của thân này nên chọn Tịnh độ là nơi giáo hóa. Ngài nói Tri Lễ tôi thông suốt chỉ quy ba quán là lời nói quá. Lại bảo Cực lạc là do bày quyền, người tu đạo phải quên bỏ ưa chán, thành thật thay lời nói ấy. Nay Tri Lễ tôi ưa thích Tịnh độ, chán ghét thân bệnh hoạn cũng có lý do sẽ trình bày sau. Dầu một tâm ba quán không thấu suốt nào dám chẳng tựa nương? Tri Lễ tôi hơn bốn mươi năm tìm học khi thân căn đã độn thì không do đâu mà chứng nhập, ở chỗ then cửa làm ra thời gian trôi qua cũng khá lâu, cũng nói sơ qua để biết rõ. Nay mong được hồi âm nên khó im tiếng, bày tỏ ngọn ngành mong xét cho. Nói về ba quán là một niệm tức không, tức giả, tức trung. Mở bày sửa mình ở diệu ngộ Như Lai. Gần đây do ngài Trí Giả chỉ ra. Toàn cho tánh phát, thật chẳng phải tu thành. Cho nên ở một tâm rõ ràng có ba dụng. Nói không là tất cả đều không, tức ba quán đều bày cái dụng phá tướng. Nói giả là tất cả đều giả, tức ba quán đều nói cái công lập pháp. Nói trung thì tất cả đều trung, tức ba quán đều là thể dứt bật đối đãi. Ấy thì cả ngày phá tướng mà các pháp đều thành, cả ngày lập pháp mà mảy may đều dứt, cả ngày dứt bật mà hai đế rõ ràng. Thế nên, Bát-nhã nói không mà tám mươi pháp môn hiển rõ, Duy-ma lập Pháp mà kiến ái ba cõi đều tiêu. Pháp Hoa nêu tướng Nhất thừa thế gian thường trụ là đều do ba quán tương tức mà khiến các pháp không trái nhau. Cho nên ba tức chẳng phải ba, mà một tức chẳng phải một. Chẳng phải thứ lớp mà vào, chẳng phải cùng khác mà quán, chẳng thể lấy có không mà tìm, chẳng thể lấy giữa bên mà nhận. Cho nên nói chẳng cùng chẳng khác chẳng dọc chẳng ngang. Bởi ba-một đều viên dung, tu và tánh ngấm mật. Há thức tâm có thể tìm, lời nào có thể nói.



Cho nên gương nói là diệu quán không thể suy nghĩ nói năng. Nói tức chẳng nói, không nói mà nói. Có thể biết đây đối với tất cả cảnh lấy đây mà quán chiếu rõ ràng, lập tất cả hạnh thì lấy quán này để dắt dẫn đạt đến. Làm tất cả việc thì lấy quán này mà thành tựu. Bày tất cả giáo thì lấy quán này mà xiển dương. Người tu quán này thì năng sở đều quên, lấy, bỏ đều mất. Cho nên chân như vô niệm thì tâm dứt, cả ngày nói bày mà chẳng khác không nói. Bỏ đây thì đồng với các ma, lia đây thì chưa vượt các ngoại đạo. Cho nên Long Thọ nói trừ thật tướng các pháp, các thứ khác đều là việc ma. Ngài Ca-diếp nói: Trước khi nghe Đại Niết-bàn đều là tà kiến. Lớn lao thay diệu tông một tâm ba quán. Cho nên Tri Lễ tôi cầu về An dưỡng mà sinh, chỗ muốn đốt cháy hết mà chết, nương ba quán này để dứt trăm lỗi. Nói cõi Cực lạc là đấng Giác hoàng bày quyền, là kinh luận đã lấy giáo Tịnh độ làm phương tiện tốt, Nghiệm biết là Như Lai khéo dùng quyền. Nhưng danh từ quyền không hạn cục, thật lý cũng thông điều này, cần phân biệt. Mới biết lấy bỏ cái quyền ngoài thể thì phải phá, phương tiện trong thể cần phải tu, lý lia sự thì thô, thật tức quyền mới diệu. Cho nên Tiểu thừa không nói Phật khác, Đại giáo thì có nói về biển cõi. Bởi tâm tánh cùng khắp mà không ngoài pháp giới. Lý tốt cùng nên khiến sự rộng, hoa lớn nên mở rộng ao sâu giếng cõi, như mảnh lưới trời Đế Thích xuất hiện, lớp lớp vô tận mới hiển bày lý tịch quang, thân loại, tiệp trời chiêu cảm quả báo các thứ khác nhau là biểu thị tánh Giá-na. lẽ nào nên Cực lạc chẳng liên quan. Duy tâm, nên trong Như Lai tạng Niết-bàn đầy đủ, tùy duyên mà phát hiện. Nên lường xét mà biết. Đã bày được địa ngục, cõi trời há chẳng tạo uế bang, tịnh quốc. Bốn tánh tuy đầy đủ do tâm phát sáng. Di-đà dùng Vô duyên từ nhận lấy cõi Cực lạc. Thích-ca bày lạc thuyết mà chỉ môn vãng sinh. Đây đều là quyền phương khéo léo nhiếp độ kẻ đắm chìm. Nay kẻ sợ lui sụt sẽ không lui sụt khiến người không giỏi quán thì quán được. Tịnh độ, quyền tương khá nhiều nay chỉ lược nói sơ lược, ở đây có hai. Luận Khởi tín nói kẻ mới học Đại thừa chánh tín, ở cõi này chẳng thường gặp, Phật sợ bảo tín tâm thiếu duyên mà lui sụt. Phải biết Như Lai có phương tiện hay khiến không lui sụt, chỉ cần chuyên niệm Phật A-di-đà thế giới Cực lạc chân như Pháp thân thì sẽ sinh về nước ấy mà trụ vào chánh Định. Người chuyên niệm pháp thân chân như đâu khác gì Đại thừa chánh tín, vì nương Phật ấy làm cảnh cho nên khiến sinh về cõi Tịnh. Đây là Như Lai quyền xảo vậy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: Phạm phu tâm tướng yếu kém, chưa được thiên nhãn chưa thể quán xa. Các Đức Phật Như Lai có

phương tiện lạ giúp họ được thấy. Đây là do thần lực của Đức Thích-ca và nguyện tâm của Phật A-di-đà. Nếu có người quán thì sẽ quán thấy. Đây cũng là phương tiện khéo của đấng Giác hoàng. Phương tiện quyền xảo này là nói theo viên giáo, tức không hai không khác với phương tiện vi diệu của Pháp Hoa. Các Trời, người, cùng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát Đại sĩ tiêm tu, đầy khắp thế gian số nhiều như hằng sa, nghĩ suy so lường cũng không biết hết được. Chỉ có Phật và Phật mới có thể tin hiểu đầy đủ, mới có thể tu tạo mà thôi. Tri Lễ tôi dầu là độn căn nhưng cũng thấm đượm Viên giáo, không lìa đương niệm, nguyện được sinh về cõi nước ấy. Ngõ hầu là phạm phu thấp kém mà lên vị Bất thoái. Lại nghe Phật Đại Thông cùng mọi người kết duyên ở đời trải các trần kiếp đến nay trụ ở bậc Thanh văn đều do lui sụt Đại thừa mà phải trải nhiều thời gian. Ngài Thân tử còn sáu tâm lui sụt xuống năm đường hướng là kẻ học Phật sơ sài. Bởi do cõi này gặp nhiều duyên lui sụt. Cho nên nói Bồ-tát Ngự Tử Am-la-hoa khi mới phát tâm ba việc, trong nhân thì nhiều mà kết quả thì ít. Còn nếu cầu sinh An dưỡng thì dầu bát địa cũng gặp duyên tốt vừa được vãng sinh thì liền không bao giờ lui sụt. Nghe lợi ích này thì đâu được chẳng mong cầu. Phải dùng một tâm ba quán làm thuyền bè, lại lấy sáu thời, năm hồi làm chèo chống cầu đến Duy tâm Tịnh độ, mong thấy bốn tánh Di-đà, sau rồi sẽ vận dụng đồng thể đại bi mà độ sinh trong pháp giới thuận với quyền xảo của Phật mà cầu sinh Lạc bang, ý tóm tắt như thế. Nay nói tôi còn ưa thích chán bỏ thì liền khởi yêu ghét, sinh tâm lấy bỏ, sinh cái chấp sở năng là tướng gây lỗi. Thật như lời ông nói, cái duyên lập đức ấy nay xin nói sơ lược. Đem ưa chán, lấy bỏ khéo khởi lỗi, thành công, nên ngài Mã Minh lập làm nền thí giác, ngài Trí Giả gọi là tiêm Tịnh độ, ngài Duy-ma xem kiến ái là thị giả, ngài Văn-thù lấy tham nhuế làm công năng. Đây đều là cách dùng cho người mà thực hành theo đó có phương pháp. Vả lại, chúng sinh nhiều kiếp ở cõi Ta-bà này tham sắc, thanh thô tẻ, đấm nơi y, chánh thấp kém, đã không có niệm chán lìa mà chỉ tăng thêm duyên trói buộc thì dầu có huân tu cũng ít được toại nguyện. Vì ở cõi này pháp bị nhiều chướng ngại khiến đạo hạnh khó thành. Nên kinh Niết-bàn nói: Được thân người như đất dính ở đầu móng tay, mất thân người như đất đại địa. Cho nên các Đức Phật thương xót các chúng sinh này dùng công đức hạnh nguyện nhiếp lấy cõi thanh tịnh, khiến chúng sinh khởi tâm ưa thích để làm nhân thọ sinh, dùng lời lẽ thiết yếu nói về tướng cấu uế để khiến chán ghét mà muốn ra khỏi. Nếu không có tâm này thì không thành thí hạnh. Cho nên nếu chẳng nhàm chán lìa bỏ cõi này thì không

có nguyên do khởi tâm ưa thích mong cầu mà được sinh về cõi ấy. Bởi pháp thọ sinh là lấy ái làm duyên. Trước tiên từ sơ tâm, cuối cùng đến Đẳng giác. Thân biến dịch chưa hết thì ưa chán làm sao quên, hướng gì là thì hạnh. Nay cầu Tịnh độ không vì thân hưởng các vui, tâm đắm nhiễm các diệu trần, mà muốn nhờ tịnh duyên kia để mau tăng trưởng thẳng đạo. Vì tuổi thọ ở cõi ấy vô tận, y báo tự nhiên, không có người nữ và căn thiếu. Tuy Thánh phàm cùng ở nhưng không có danh từ đường ác, tuy Thanh văn nhiều vô biên nhưng lại lia kiến chấp về chân. Di-đà là thầy dẫn đường giỏi, Quán Âm là bạn tốt. Một khi sinh làm Bồ xứ thì rất nhiều vị Thập địa, bậc Thánh vô số, gió lay cây báu, sóng động hoa vàng đều phát ra tiếng mầu nhiệm, nói toàn diệu lý. Đã không trái thuận, dứt hẳn tham sân. Phàm có thấy nghe thì đều nhờ tịch chiếu, đều đến chánh định, do công phu ở đây khiến nên. Chứng viên còn cầu sinh cõi báo mình há chẳng nguyện sinh? Chỉ biết Tịnh độ dạy tâm, ước bang tức tánh. Ngay nơi chán mà không chán, ưa mà không ưa, cho nên chánh trợ cùng tu, giải hạnh gồm đủ, là thuận theo chánh giáo của Phật, không phải tình vọng của riêng mình. Huống là kinh Quán có nói: nhân sinh Thượng phẩm cần phải hiểu rõ Đại thừa, tu thêm sáu độ gồm khuyên chúng sinh. Nên Tri Lễ tôi nay dùng ba quán để công tâm, năm hồi để giúp đạo, vẫn còn sợ tịnh nhân chưa đủ. Nên lấy cái chết để nương duyên mạnh sau cùng mà làm định nghiệp vãng sinh. Lại nếu chẳng thiêu thân, đốt tay thì không phải là Bồ-tát xuất gia mà kinh Phạm Võng đã dạy rõ. Bồ thân mạng tài sản là chân pháp cúng dường như Pháp Hoa đã nói. Kinh Lăng-nghiêm nói đốt một nén hương, nợ xưa đều trả đủ. Luân Vương khoét thân đốt ngàn ngọn đèn mà quả mầu liền được. Cho nên biết sơ tâm hậu vị trên Thánh dưới phàm đều có thể vãng tu và hiển bày chí giáo. Chỉ cần chánh giải tự tránh tà tu, nên biết tánh lửa chân không thì đâu có tướng năng thiêu, thì sở thiêu sẽ tự mất. Lại biết thể Phật viên diệu đâu còn người sở cúng, năng cúng cũng tự tiêu. Cả hai lớp năng sở đã mất thì tất cả công đức đều thành. Đây gọi là pháp môn khổ hạnh. Bảo rằng ánh sáng chánh thọ, tịnh cảnh bốn cõi liền hiện tâm này. Các đạo tràng Phật đều chỉ bày, tùy theo sở nguyện sẽ được vãng sinh. Nên ngài Trí Giả nói: Khi qua đời tâm ở trong định tức là Tịnh độ, động niệm tức là giờ khắc vãng sinh Tịnh độ. Như đây bỏ thân ước thì các cấu ước đều hết lý nào chẳng bày. Như đây nhận lấy Tịnh độ là chỗ Vi-đề-hy ưa thích, nghiệp báo thanh tịnh, liền chứng vô sinh. Tát-đỏa bỏ thân đây bệnh hoạn bảo là cầu thường vui. Ở đây lấy bỏ và chẳng lấy bỏ thể không hai thứ, dụng cũng đồng thời được gọi là

ba thứ pháp môn, tức là: Pháp môn lấy, pháp môn bỏ, Pháp môn không lấy không bỏ, cũng gọi là Pháp môn ba Độc, đủ tất cả pháp. Cho nên, kinh Vô Hành nói: Tham dục tức là đạo, sân si cũng giống như thế. Như thế, trong ba pháp ấy đầy đủ tất cả công đức, ngài Văn-thù nói: Ta là tham dục Thi-lợi, ta là sân nhuế Thi-lợi, ta là ngu si Thi-lợi. Hiểu sâu ý này tức là một tâm ba quán, dẫn dắt tất cả hạnh, làm tất cả việc. Vì tất cả pháp là không nên bỏ uest sẽ hết, vì tất cả pháp là giả cho nên nhiếp lấy tịnh không sót. Vì tất cả trung nên không lấy không bỏ, ba pháp này tất cả Như Lai đều chứng, tất cả Bồ-tát đều tu. Cho nên Tri Lễ tôi nay bỏ uest thân, ưa cầu Tịnh độ đâu dám không bắt chước. Song tu tâm muôn hạnh, vào đạo có nhiều cửa. Tùy ưa, tùy nghi, tùy tu, tùy ngộ, nào dám đem cái thấy cục bộ mà nhìn thái hư. Chỉ vì Tri Lễ tôi từ bé đã có chí này. Nay đã già yếu, Trái nhiều sự duyên, tâm này luôn hiện tiền đối cảnh càng thêm tinh tấn. Tin do nguyện xưa đâu dám chẳng đáp trả... Năm rồi tôi xây dựng đạo tràng, chúng tin cùng gây dựng, cúng dường vật liệu ba năm, các duyên tạm đầy đủ. Số Tăng có hạnh nguyện ngẫu nhiên mà đồng đây. Nay gặp Bí Giám rõ biết tánh danh, trước sau dám mời, cúi mong vì đàn việt vận chuyển bánh xe sức mạnh khiến các điều lành mau thành, giúp tịnh nguyện sớm toại, sau đó giúp tông giáo tôi truyền bá rộng, giúp người chưa nghe được nghe khiến kẻ chưa ngộ được ngộ. Lại mong giúp cho sau khi công thành, báo thân đã mãn thì tùy nguyện cầu sinh thế giới Cực lạc mong được cùng ở một nơi, cùng họp nhân xưa cùng hóa độ chúng sinh, cùng lên đại giác. Tri Lễ tôi vốn không văn học, nguyên là vị Tăng quê mùa, nói năng ngây ngô trình bày thiếu vụng. Bởi đọc thư trước bảo là tinh tu sám pháp, đạt đến gốc tịnh, kể viết rằng Tịnh độ không phải dối vì các Phật trước đã chứng. Mong Bí-lâm thấu rõ ngọn nguồn khổ hạnh, lại biết Tịnh bang xưa nay tức lý. Bởi muốn Tri Lễ tôi rộng đem thành giáo dạy kẻ chưa nghe. Cho nên dám đem Bản tông mà trình bày chút ít ngu kiến, gây phiền chán cho người, sợ sệt không xiết kể.

**9. *Đáp lời hỏi của Dương Văn Công của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ:***

Theo sư có nói: Tây phương Tịnh độ gió lay lá báu, sóng động sen vàng, đây là cảnh giới của ai vậy?

Đáp: Thấy nghe ở đâu đều không có lý lẽ. Đã nêu giáo nghĩa đâu dám không trình bày. Phạm y chánh Tịnh độ đều giảng nói Pháp mầu hợp với người nghe căn trần đều bật dấu, vật ngã như một, hưởng là

chấp có người đối với cảnh giới khác. Trong đây, người tu hạnh Viên đốn, căn đối với trần mà khởi thức liền hiểu. Còn lấy Pháp giới đối pháp giới mà khởi pháp giới thì thật chẳng phải là cảnh ở ngoài tâm, tâm ở ngoài cảnh thì tâm tự biết tâm, cảnh tự thấy cảnh cảnh đâu thấy cảnh tâm há biết tâm? Sự (thấy biết) đã quên thì nói năng cũng dứt. Cho nên gượng gọi là cảnh quan không thể suy nghĩ ngó năng. Phàm vị tu thì chuộng đây, còn Thánh vị thì chứng kia. Lại nếu gượng luận cảnh phải lìa thì tướng khác nhau, thô trong thô. Là cảnh giới phàm phu, còn Tế trong tế là cảnh giới Phật, đó là do giáo và đạo phân biệt. Như nay Viên luận không lìa mà lìa, kẻ sơ tâm là năng ly, Phật là sở ly. Vì một tâm ba quán tức trí Phật cho nên thư trước nói: đối tất cả cảnh lấy đây quán chiếu mà hiểu rõ là nói việc này vậy.

***10. Số Diên Khánh khuyên mọi người niệm Phật của Pháp sư Từ Minh Tri Lễ.***

Phàm một niệm vốn dung thông các pháp vô ngại gặp huân đã khác, cảm báo thành sai. Do đó thuận tánh mà tu thì hiển bày Tịnh độ của các Đức Phật. Làm theo tình thì phải đi vào vòng khổ năm đường. Do đó đối với Ta-bà ra khỏi rất khó mà đọa lạc thì rất nhiều. Cho nên kinh nói: Được thân người như đất dính trong móng tay, mất thân người như đất đại địa. Đợi ba Thừa thực hành đủ thì mới tránh được sự thọ sinh bốn đường. Bởi cảnh giới thô xấu, phiền não mạnh mẽ phải tự lực cầu thoát khỏi rất khó. Nếu như sinh An dưỡng thì cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh thẳng đến thành Phật chẳng đọa ba đường. Kinh nói còn không có danh từ đường ác hướng là thật có. Lại nói chúng sinh ở đó đều là bậc A-bệ-bạt trí. Nếu muốn sinh về cõi ấy phải xưng niệm danh hiệu Đức Phật ấy, tu theo tâm Từ bi của Đức Phật ấy thì được bốn nguyện của Đức Phật ấy nhiếp giữ. Bồ báo thân này chắc chắn sinh về cõi nước ấy, đủ như kinh nói, thật chẳng phải nói càn (đoán mò). Nay kết muôn người làm thành một xã, tâm tâm giữ niệm, ngày ngày ước hẹn. Mỗi năm vào tiết giữa Xuân (tháng hai) đồng nhóm hợp tại một nơi đồng tu cúng dường, đồng nghe pháp âm. Hội lấy muôn lòng là một chí, giúp thành định nghiệp thể được vãng sinh. Hướng là báo được ánh sáng, giống như đước trước gió một hơi thổi chẳng vào thì ba đường hiện tiền, sao được dần dà, chẳng nghĩ quả báo đời sau, phải y theo lời Phật, chẳng thuận tình người, mau dứt các duyên, chỉ siêng niệm Phật.

### **11. Vãng sinh Tịnh độ Quyết nghi môn của Từ Vân Sát Chủ Tuân Thức.**

Phải giải bỏ nghi ngờ. Vì nghi ngờ làm chướng ngại niềm tin. Việc lành nhỏ ở thế gian còn chẳng thành hướng gì là đạo lớn Bồ-đề. Xưa nay, các Sư quy tâm cõi Tịnh, hoặc soạn sổ giải kinh, hoặc nương kinh soạn luận, hoặc tùy việc giải thích, hoặc Già-đà khen bày, tuy khác nẻo nhưng cùng quy về một chỗ, mà cùng trình bày chỗ thấy, soạn bài biên sách, sưu tầm nghiên cứu rất khó. Nay gồm nhiếp trăm nhà ấy, dùng ba điều thối mắc thâu tóm tất cả:

1. Nghi thầy.
2. Nghi pháp.
3. Nghi mình.

1. Nghi Thầy: Có hai loại: 1. Các tà sư ngoại đạo, điên đảo mê lầm dạy người, không nên theo. 2. Thầy chánh pháp, Lại có nhân quả phàm, Thánh và nhân vị chưa hoàn toàn rõ biết giống như Thanh Biện cho rằng Di-lặc chưa phải là biết khắp, đợi đạo Long Hoa sau mới hỏi luật. Tức là việc ấy. Nay hiển bày Tây phương khiến hồi hướng thì chỉ có quả Phật, Thánh sư Thích-ca Như Lai và các Đức Phật mười phương phát ra tướng lưỡi rộng dài nói lời thành thật khuyến khích khen ngợi vãng sinh thì còn mê hoặc gì?

2. Nghi pháp: Phật pháp có hai: 1. Tiểu thừa, pháp Bất liễu nghĩa. 2. Đại thừa, Pháp liễu nghĩa. Trong Đại thừa lại có Liễu và Bất liễu nghĩa. Nay nói Tịnh độ là chỉ cho Đại thừa, là pháp liễu nghĩa trong liễu nghĩa. Vả lại, kinh bộ Tiểu thừa thì gồm hết các sách, không hề có một chữ khuyến khích khen ngợi vãng sinh Tịnh độ phương khác. Nên trong luận Thiên Thân có nói: Người nữ và căn thiếu, Nhị thừa đều không sinh. Đây là chứng cứ rõ ràng.

Hỏi: Kinh Tiểu Di-đà... đều nói: Nước ấy có đệ tử là Thanh văn và kinh Cổ Âm Vương nói: Phật Mẫu tên Thù Thắng Diệu Nhan cũng là người nữ.

Đáp: Phật Mẫu là chỉ lúc xưa khi Thái tử giáng sinh, khi Thái tử thành Chánh giác thì cõi nước cũng tịnh, nên không có người nữ. Mẹ ngài chuyển thành thân nam như Long nữ ở cõi này. Hoặc lại qua đời như mẹ của thái tử Tất-đạt (Ma-da). Có người chú luận dẫn văn kinh này mà bảo rằng: cõi ấy cũng có người nữ là không đúng. Còn Thanh văn như Quán kinh sơ và luận Thập Nghi cùng giống nhau. Nay nói Đại thừa, lại có ba thứ:

1. Ba thừa Thông giáo; pháp môn này tuy chung cho Đại thừa, mà



khá gần Nhị thừa. Lại đương giáo Bồ-tát tuy lại độ người, tịnh cõi nước Phật mà Độ xong thì trở về đồng với Nhị thừa. Lý sâu Tịnh độ họ không biết được, vì không phải liễu nghĩa.

2. Đại thừa Biệt giáo. Ở đây nói Đại thừa riêng cho pháp Bồ-tát tuy nói thật lý sau mới chứng đạo, mà nhân quả không dung nhau, Tịnh độ thì ngoài lý tu thành, muôn pháp vì thế chẳng có đủ mười tâm. Tuy trải qua nhiều kiếp tu đạo, đến nhiều các cõi Phật chỉ cho nhân quả của Tịnh độ ấy chỉ là phương tiện ngoài thế, đây cũng chưa rốt ráo.

3. Phật thừa Viên giáo. Giáo này giải thích ý chỉ viên dung nhân quả đầy đủ, là chỗ nhiệm mầu của Phật pháp. Đây là vì xưa không biết chỗ biểu thị. Kinh nói rằng: Mười phương tìm khắp nhưng không có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa là nói đây vậy. Vậy thì Đại thừa của Đại thừa, liễu nghĩa của liễu nghĩa. Mười phương tịnh uế hoại mất đồng một sát-na, một niệm sắc tâm bày khắp trong pháp giới. Đồng thời thiên chân sẵn có không phải duyên khởi mới thành. Một niệm đã thế thì một trần cũng vậy. Cho nên hay ở trong mỗi hạt bụi mà có tất cả cõi, ở trong mỗi tâm mà có tất cả tâm. Mỗi tâm và bụi lại cùng khắp, lớp lớp vô tận không chướng ngại, cùng một lúc hiện ngay không có ẩn hiển, tất cả viên thành không có hơn kém. Như loại Thần châu, bao hàm các báu, cũng như màn lưới của trời Đế Thích giao chiếu ngàn tia sáng. Tâm ta đã thế thì Phật và chúng sinh thể đồng. Như thế thì mới hiểu rõ hồi thân nhớ cõi nước, thật sinh trong tâm mình gá vào chín phẩm sen há tránh khỏi chỉ trong mé sát-na. Còn nếu sự lý cách xa thì, tịnh uế ngại nhau, làm sao khiến cho phàm phu gây tạo năm tội nghịch mà mười niệm liền sinh về cõi báu? Hàng Nhị thừa hồi tâm liền được ở ao vàng? Tin vào Viên đàm đây thì sự nào chẳng đạt, mê lý tội này thì gặp việc đều mê. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Tâm như người thợ vẽ, tạo ra các thứ năm ấm, tất cả thế gian đều do tâm tạo. Phật cũng như tâm, chúng sinh cũng như Phật. Tâm, Phật và chúng sinh, ba thứ không khác nhau. Lại luận Khởi Tín chép: Nói về pháp, nghĩa là tâm chúng sinh, tâm này tức nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, y vào tâm này mà hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn. Thập Lục Quán nói các Đức Phật Như Lai là thân Pháp giới nhập vào tâm tướng tất cả chúng sinh, cho đến tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Lại kinh Ban-chu Tam-muội nói rằng: Phật là tâm ta, tâm ta thấy Phật, tâm ta làm Phật... Nói về ý chỉ này trong kinh Đại thừa có nêu rõ ràng. Còn trong kinh Pháp Hoa nói Như Lai đích thân thọ ký vãng sinh. Kinh Hoa Nghiêm thì nói ngài Phổ Hiền trình bày hồi hướng. Đó cho nên biết nhân địa A-di-đà, quán lý này mà đại thế



khấp đầu, Đức Thích-ca thành tựu đạo quả khen ngợi lý này, mà việc bày tướng lưỡi rộng dài khen ngợi thì các Đức Phật ba đời ở khắp mười phương đều như thế.

Hỏi: Như trên đã nói lý mẫu viên cực, người đều phải quán hạnh đầy đủ thì mới sinh ư?

Đáp: Không phải thế. Nay chỉ cởi mở nghi tình khiến cho biết Tịnh độ trăm báu trang nghiêm, nhân quả chín phẩm đều ở trong tâm hiện hiện của chúng sinh, lý tánh đầy đủ mới có thể được, ngày nay việc tu hành vắng sinh tùy nguyện tự nhiên, cho nên khắp mười phương chẳng lìa đương niệm, tới lui pháp giới chánh hợp với duy tâm, chớ tin theo thói thường chấp đây kia, không phải tướng hạnh nguyện ấy chính ở tại phần sau không phải điều hỏi ở đây. Huống là tướng sinh chín phẩm đều có hạnh loại khác nhau. Ba phẩm bậc thượng phải có giải (hiếu) có hành (làm). Nên văn nói rằng: Ông thực hành Đại thừa hiểu nghĩa bậc nhất, tức là người này vậy. Nay học giả thấy người hiền mà nghĩ cố gắng làm sao mình phải bằng họ, mong được lên cao thì chỉ phải nhờ diệu quán. Nếu sinh nhân ở sáu phẩm dưới là giữ giới cấm, thực hành hạnh nhân từ ở thế gian. Cho đến phẩm sinh thấp nhất là chúng sinh ác nghịch mà khi qua đời chí thành mười niệm thì liền sinh về nước ấy, chỉ cần biết có Tịnh độ rồi hồi tâm nương về. Nếu không phải thế thì đâu thể tự vào chín phẩm khác nhau.

3. Nghi mình, hỏi rằng: Mình là phàm phu bạc địa, duyên đời trôi cột, làm sao thân này được sinh về các Tịnh độ của Phật, vào được biển Thánh hiền, đồng ở trong nhóm chánh định ư?

Giải thích rằng nếu hiểu rõ pháp tánh thông suốt như hư không ở trên và tin chắc bốn nguyện Di-đà dắt dẫn thì, chỉ khuyên làm công đức đâu đợi phải hỏi. Huống người mười niệm được sinh chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp. Lại người định tâm mười niệm mà gây tội nghịch và hủy báng thì cũng được sinh. Nay may mắn mình không phải kẻ ác lại chánh nguyện mong cầu thì còn nghi ngờ gì nữa?

### **12. Nghĩa Học Biên Luận Tịch Giải Phần của Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc.**

Không Danh Cư sĩ, tức là Pháp sư Vô Kỷ nói: Trong các truyện ký có ghi: Đầu tiên từ đời Tấn có Lô sơn Tuệ Viễn cùng các Tín sĩ kết xã hương lửa nguyện sinh Tây phương. Bên thính người trong Xã là Lưu Di Dân soạn lời thề. Có kẻ hỏi đây là phương tiện của Giáo môn quyền tiện. Nếu quán xét rốt ráo căn ấy thì chỉ thấu đạt nguồn gốc của tâm

là chánh tu hành. Đời Đường ở Ung châu có Giám điền Thích Pháp Hỷ chuyên tu thiền nghiệp, biết trước lúc chết. Đại chúng bỗng nghe ở khu rừng phía Bắc có tiếng âm nhạc bèn báo với Hỷ. Hỷ nói: Quả báo ở thế gian lâu ngày cũng hết vì sao phải sinh vào chỗ vui. Bèn im lặng nhập định, phút chốc tiếng nhạc liền ngưng, Hỷ cũng ngồi thẳng mà hóa. Lại đời Đường, ở kinh đô có Thích Đàm Luân khi qua đời có người hỏi vãng sinh về đâu thì đáp: “Vô tận thế giới”, rồi im lặng mà hóa. Nay nêu rõ hai Sư chết tốt như trên chính là cảnh cao siêu Nê-hoàn. Sao những người một đời cầu sinh Tịnh độ lấy kia so đây, sao còn thô sơ dùng dằng ở hai điều mà chưa ngộ. Pháp sư nói: Tôi vừa đọc sách của Dương Công nói Cực lạc là quyền bày. Thật là thuyết ưa chán, lấy bỏ. Không đời hỏi lại muốn trích dẫn mà trình bày. Nay được hỏi như cung gặp tên đâu được chẳng nói: Cực lạc là quyền, quyền thì đối lại với thật, xin thử trình bày thì Tiểu thừa là quyền, Đại thừa là thật. Vì “Pháp có là quyền, pháp không” là thật. Như nói Tiểu thừa là quyền, vì trong kinh Thanh văn không có một chữ nào khuyến khích khen ngợi vãng sinh Tịnh độ mười phương. Nên ngài Ca-diếp nói: Chỉ niệm Không, Vô tướng, Vô tác. Đối với pháp du hí thần thông tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sinh của Bồ-tát tâm không vui mừng. Nếu bảo có pháp là quyền thì sao chỉ có Cực lạc là quyền, còn như Niết-bàn thì cũng là quyền. Cho nên ngài Tu-bồ-đề nói: Nếu có pháp nào hơn Niết-bàn thì ta cũng nói là như huyễn, như mộng. Do đây mà nói thì ưa thích Niết-bàn mà nhân chán Cực lạc thì cũng như trốn núi cao mà chạy vào vực sâu thì đâu cũng chết. Lại nói không lấy Cực lạc cũng không lấy Nê-hoàn, trống không chẳng dấu vết chẳng thể nghĩ bàn. Như thế thì chết rồi không sinh, khác gì ngoại đạo có kiến chấp diệt tận. Lại có thuyết ta diệt độ rồi thì các thế giới ở mười phương đều là thân ta thì sao chắc chắn phải sinh Tây phương Cực lạc làm gì? Nếu thế thì lại đồng với bậc Thánh hiện khắp hình sắc. Chưa chứng nói chứng là tội nói dối nghiêm trọng thì ai dám làm. Ngài Thiên Thai Trí Giả nói: người thường nghe sinh liền cho là sinh, nghe không sinh liền cho là không sinh, chẳng biết sinh tức là vô sinh, vô sinh mà sinh. Ngang bướng phải quấy, trợn mắt cầu sinh Tịnh độ thật lắm lạc biết bao nhiêu! Nên biết Pháp Hỷ chẳng cầu chỗ vui. Đàm Luân trở về vô tận, đây là những lời khiến tình lìa mê đắm, không phải là chết rồi thì diệt mất như hư không. Phạm phu thì thọ sinh theo nghiệp, bậc Thánh cũng tùy cơ mà làm lợi ích. Huống Pháp Hỷ chết rồi giáng thân vào đệ tử bảo rằng: Ta muốn để lộ thi hài ta ngoài trời để chim thú, côn trùng ăn... Há chẳng phải thân này tuy thức bỏ đi rồi vẫn

còn sống ư? Mà chỉ là cảnh cao siêu Nê-hoàn, lấy gì mà nghiệm. Lại Nê-hoàn, Hán dịch là diệt độ, gồm hết các giáo cũng chỉ hai chữ này. Nếu Nê-hoàn Thanh văn thì dứt được phiền não kiến tư, vượt khỏi phần đoạn sinh tử, chứng lý thiên không. Lý đã thiên (lệch) thì “Không” không thể có. Cho nên thân và cõi đều mất. Đây là nói phương tiện. Nếu các Đức Phật Nê-hoàn thì dứt vô minh phiền não, vượt khỏi biên dịch sinh tử, chứng lý trung đạo. Lý đã trung thì chẳng phải không, chẳng phải có, nên ứng hóa vô cùng. Đây là nói về liễu nghĩa. Nay chưa xét kỹ hai Sư Luân, Hỷ ở Niết-bàn nào. Nếu là thiên không thì chưa khỏi thô sơ, còn trung đạo thì sao gọi là cảnh cao siêu. Nay người học ai chẳng bảo ngay nơi tâm là Phật, chạm mắt đều chân, sao cực nhọc mà chuyển vật đồng như, mình vượt hơn Tỳ, Thích và căn tự sát hạch, trở về trống rỗng, mịt mờ như đi đêm. Thật còn đủ tham, sân thì sao ưa, chán mà chẳng khởi? Xem cõi giàu sang như cốt nhục, nhìn nghèo hèn như ghẻ bấu. Đối với ta thì thiện là muốn lên bậc cao, ác là hận chẳng giết hết người trong chợ. Phàm những loại người này hổ thẹn mà tu Tịnh độ tự bảo là người ưa chán chẳng biết có làm được không. Trong Tăng truyện ở thiên Tập thiện có rất nhiều người khổ hạnh trọn đời, cần trọng tu hạnh An dưỡng, hoặc ưa cầu tri túc. Như Tuệ Chân tuyệt thực mà hành sám Tịnh độ, đốt thân làm đèn, Tăng Hiển hiện đời cảm được Di-đà, Trí Hy thấy rõ cõi Đâu-suất. Không ai bảo đây là hạng người tập tục thô sơ. Lô sơn Tuệ Viễn là tăng bảo ở đời ít có. Phạm chúng ở Tây Vực đều khen đất Hán có Đạo sĩ Đại thừa. Mỗi khi thắp hương đều hướng về phía Đông mà cúi đầu lễ bái, há quên giáo viên đốn, chuyên do pháp môn quyền tiện. Các vị Lưu Di Dân Lô Thứ Tông đều là bậc tài giỏi đời Tấn sao dám quý quyết đối trá chạy theo mà chẳng biết. Tiệm tu thường mê muội về vãng sinh, kẻ đốn giáo lại luôn khen Tịnh độ. Phật nói: Ai thường đọc tụng kinh điển Đại thừa hiểu rõ nghĩa thú bậc nhất sẽ không kinh động với nghiệp vãng sinh Thượng phẩm này. Lại, ngài Thiên Thân nói: Hàng Nhị thừa không sinh Cực lạc. Kinh Hoa Nghiêm có nói khuyên sinh. Kinh Pháp Hoa có lời thọ ký vãng sinh. các Đức Như Lai mười phương phát ra tướng lưỡi rộng dài, đều khen ngợi vãng sinh về nước ấy. Ngài Di-lặc hỏi Phật rằng: Ở thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát sinh nước ấy? Phật bảo: Có sáu mươi bảy ức Bồ-tát không lui sụt, mỗi Bồ-tát đã từng cúng dường vô số các Đức Phật như Di-lặc kể đây vậy. Phật lại nói: Đời mạt pháp diệt rồi, chỉ lưu lại kinh Vô Lượng Thọ trong một trăm năm để dắt dẫn chúng sinh. Lấy đây làm chứng. Vì sao lại xem thường người vãng sinh, vì sao ngăn lấp đường Cực lạc. Gây

thiệt hại rất lớn, há không cần thận ư?

Lại bài tựa sau có nói: Lại có người dẫn truyền rằng là Hòa thượng Đại Châu nói: Bỏ cầu lấy tịnh là nghiệp sinh tử. Cư sĩ Bàn Long Uẩn nói: Bỏ phiền não vào Bồ-đề chẳng biết phương nào có Phật địa. Vì câu kệ này mà khinh thường Tịnh độ. Chắc chắn không thể được. Lại nói chẳng cầu chẳng tịnh là nghĩa tức tâm tức Phật. Phàm theo Thích giáo thì ai chẳng biết, sao lấy lời Chân như bình đẳng mà phí bỏ pháp nhân duyên tu chứng. Lục trụ Đại sĩ còn sinh phần đoạn, bốn quả chân nhân cũng còn có tử biến dịch, đâu gọi là chết hẳn tức là Nê-hoàn. Phải biết Bồ-tát chưa chứng Diệu giác trở lại thường lấy tâm không để khắp tu muôn hạnh. Cả ngày quán Phật mà không có Phật để quán, trải nhiều kiếp độ sinh mà không có chúng sinh để độ. Tạm ở vào Tịnh độ, như hóa đốm trong hư không, quyền nương vào huyền hóa Di-đà. Phá trần trong mộng hôm qua mà vào địa vị thành Càn-thát-bà, cho đến thành Phật. Tuy tự hành vắng lặng mà lợi tha rõ ràng. Cho nên dụ thì lấy thân làm gương sáng, hiện thì lấy ảnh tùy loại. Người đời không hỏi đại nghĩa chỉ ưa thích đốn ngộ, vào thẳng Vô sinh mà chẳng nghĩ ngài Vĩnh Gia Nhất Túc Giác bảo rằng: nếu thật vô sinh, vô bất sinh. Đã thoát ngộ mà chấp không, sợ mênh mộng mà vờ họa. Loại này ở Việt Trung tập bản tên mà chẳng vượt qua mấy bước, du mục ở Lũng Tây lại chìm trong sóng nước. Như đây mà tri thức chưa thể tham tìm.

### **13. Trả lời về tu nhân Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.**

Có người hỏi: Sinh lên các tầng trời cõi Dục thì mười điều lành là nhân, sinh lên cõi trời Sắc thì thiện định là nhân, giỏi thiền chẳng tu mà mong sinh lên các tầng trời cõi Sắc cõi Dục thì không hề có. Hễ người sinh Tịnh độ thì phải tu Vô sinh diệu quán mới có thể được. Nếu diệu quán mà không hện tương ứng thì lý sinh Tịnh độ phải dứt. Nay người học đều mịt mờ giáo chỉ, cho rằng sinh lên cõi trời là khó mà sinh Tịnh độ là dễ. Cho điều lành có tướng mà ngẩng cổ hướng về Tây, theo gió phát nguyện. lại đợi chân bước lên sen báu, đích thân gặp Thánh chúng là lắm. Nếu cho rằng sinh lên cõi trời là khó thì giống như còn đủ bốn chân để chạy thì càng rất khó. Nếu bảo Tịnh độ là dễ thì cũng giống như không có hai cánh mà liệng trên không, dễ thì ai tin?

Đáp: Tịnh độ không phải khó dễ, khó dễ là do người. Khó là bởi nghi tình, gang tấc trở thành muôn dặm. Dễ là nhờ tín tâm thì muôn dặm cũng thành gang tấc. Nói tu Vô sinh diệu quán được sinh, thành thật thay lời nói ấy. Nhưng chính ý là muốn chỉ bậc thượng căn mới được sinh mà

thôi. Song, không thể mở một pháp môn mà lấp nhiều pháp môn. An lạc tập nói: Người sinh Tịnh độ có hai loại, một là tâm có tướng nghĩa là chấp tướng ưa vui; hai là tâm không tướng, nghĩa là lý quán tướng ứng. Như nay trong đời kẻ trung, hạ độn căn, ngu mê chướng nặng, đời khi lý, quán tướng ứng mới được sinh thì chỉ được một số ít ỏi, Phật Từ bi độ vật phương tiện nhiều môn, có định thiện, và tán thiện, có năng lực Phật pháp; có việc phước và nhờ nguyện lực mà hồi hướng; có người lúc qua đời quá sợ nên nhờ vả cầu cứu, các loại như thế có số trăm ngàn muôn, có một trong những điều đó thì sẽ được vãng sinh. Định thiện là tu tâm Diệu quán, định Thủ-lăng-nghiêm... Còn Tán thiện như kinh Bốn Mười Tám Nguyện nói người tu thập niệm đều nhiếp cả sáu căn, chỉ tiếng tiếng nối nhau mà thôi. Vì chưa gồm lý định nên gọi là tán. Về năng lực Phật, như Luận Thập Nghi nói: Phật A-di-đà có đại Bi nguyện lực che chở chúng sinh niệm Phật liền có thể phát tâm Bồ-đề, thực hành Tam-muội niệm Phật... nhờ nguyện lực liền được vãng sinh. Như kẻ yếu kém nương theo Chuyển luân vương mà một ngày một đêm đi khắp bốn thiên hạ, không phải là năng lực của mình mà do năng lực của Luân Vương. Về năng lực của pháp, như Phật bảo Bồ-tát Liên Hoa Minh Vương tụng Quán đánh thần chú gia trì vào cát đất để rải vào thân người chết hoặc rải trên mộ. Nếu bị đọa địa ngục, ngạ, quỷ, súc sinh thì nhờ chân ngôn này mà sinh về Cực lạc. Làm phước nhớ hồi hướng, là từ tâm cứu vật, giữ đủ các giới, giới thọ trì bí chú, tụng đọc kinh điển Đại thừa, các thứ phước lành mà hồi hướng trang nghiêm thành nhân Tịnh độ, như tiếng thổi vào sừng thì xa lãng nghe được, sinh Cực lạc cũng vậy. Lúc qua đời cầu cứu là khi qua đời, tướng xe lửa hiện ra, nhờ năng lực xưng niệm danh hiệu Phật nên lửa dữ biến thành gió mát. Như Tăng nhân Hùng Tuấn khi vào vạc dầu sôi và người có nghề giết trâu ở Phần châu khi qua đời thấy bầy trâu húc vào thân rất đau đớn, Trương Chung Húc giết gà, khi chết thấy vị thần xua bầy gà mổ hai mắt chảy máu đầy giường, niệm Phật lúc ấy đều sinh Tịnh độ là vậy, kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh nói: Nếu đem y phục châu báu của người chết và nhà cửa ruộng vườn mà cúng thí Tam bảo thì phước rất nhiều, có thể cứu được khổ địa ngục mà vãng sinh Tịnh độ. Lại, kinh Vô Lượng Thọ nói: Bồ-tát Tiểu Hạnh và người tu công đức nhỏ đông không kể hết, đều được vãng sinh. Lại kinh Phạm Võng dạy thỉnh Pháp sư giảng giới Bồ-tát, phước giúp người chết thấy được các Đức Phật Ví như đất nước kén chọn người tài, bèn bày hai khoa thi văn, võ mà chọn người, không phải một khoa. Ngoài ra lại có tấu ẩm, dùng dụ cho năng lực Phật, học tập là dụ cho

hạnh nguyện. Kia có nhiều quan nhân văn chức thì đây có muôn hạnh thành Thánh. Phật nói dễ đến. Khổng tử nói khó sinh. Có thể nói thuận giáo nói dễ đến mà mở cửa giải thoát cho người, Chẳng cần phải chấp mê nói khó sinh mà lấp đường Bồ-đề. Khổng Tử nói người học rộng có nghi phải cẩn thận lời nói, thì các trường hợp khác ít lỗi.

#### **14. Trả lời về Phật và Ma của Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.**

Hỏi: Thấy có nhiều người đời phát nguyện khi qua đời được Phật dắt dẫn sinh về Tịnh độ. Nếu Phật dắt dẫn đâu chẳng phải là ma ư? Tôi cho rằng người đời phát nguyện ngông cuồng.

Đáp: Ma chẳng phải không có. Nếu bảo phát nguyện cầu sinh Tịnh độ được Phật dắt dẫn là Ma thì là Phật gạt người sinh vào cung ma. Ngài Phổ Hiền dạy người phát nguyện rằng: Nguyện con khi qua đời được thấy Phật A-di-đà. Bồ-tát Long Thọ, Thánh hiền nhiều đời đều có soạn các tác phẩm... chẳng lẽ đều khiến người phát nguyện ngông cuồng nguyện sinh vào cung ma ư? Ông nói thế là làm hư mất giống Phật. Ông không phải Ma thì là ai? Nay xin nói sơ lược cho ông nghe về tướng Ma và cách hàng Ma. Ma có bốn thứ; phiền não, ám, tử và thiên ma. Nếu muốn hàng phục thì như kinh Đại Tập nói: Dứt bỏ Tập đế là hàng phục phiền não Ma, biết Khổ đế là hàng phục Ấm Ma, tu Đạo đế là hàng phục Thiên ma, chứng Diệt đế là hàng phục tử Ma. Lại Trí luận có nói được đạo Bồ-tát nên phá phiền não Ma, được thân pháp tánh nên phá ám Ma, được pháp tánh lại phá tử Ma. Thường nhất tâm tất cả chỗ (xử) tâm không mê đắm mà vào Tam-muội bất động, nên phá được thiên Ma, thiên ma rất là khó biết, vì chúng hay biến hiện thành Phật và Bồ-tát. Lại kinh Niết-bàn nói: Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm thì ma đạo dần hưng thịnh, Ma làm Tỳ-kheo phá rối Phật pháp. Lại Thiên môn nói: Ma quỷ vào tâm phá chánh giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng, chẳng kính cha mẹ, thầy Tổ, Tam bảo hoặc hủy hoại kinh sách, hình tượng, chùa tháp, gây ra các tội nghịch, dứt bỏ gốc lành, hiện tướng bình đẳng, phá hủy người khác tu điều lành, bảo là không phải chánh đạo. Hoặc nói không nhân không quả. Tà thuyết như thế phá hoại chánh pháp, như chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Trong kinh có phân biệt từng tướng ác ma, mà có ai biết. Lại ngài Trí Giả trong Thiên môn dạy người phân biệt ma có ba cách: một là, hiểu rõ thấy nghe hay biết đều không thật có, chẳng nhận lấy, chẳng mê đắm, cũng chẳng lo rầu, cũng chẳng phân biệt, nếu là ma thì nó tự mất. Hai là, quán ngược



lại tâm thấy nghe hay biết chẳng thấy chỗ nó sinh , như thế mà quán thì Ma liền diệt mất. Ba là, nếu thực hành quán ấy mà Ma chẳng mất thì chỉ nên chánh niệm, chớ nên sợ sệt. Chánh niệm chẳng động biết cõi ma như cõi Phật, như một, như vô, Đối với ma không xả bỏ, đối với Phật không nhận lấy. Phật pháp hiện tiền, Ma tự tháo lui. Phân biệt rõ sự chân ngụy, giữa Phật và ma. người học giáo có giáo nhãn thì biết rõ. Nếu những người lơ là hoặc khi qua đời, gió đao cắt xẻ thân thể, tinh thần hoảng loạn kinh hãi thì nhờ đâu mà phân biệt rõ Ma và Phật chân hay ngụy ư? Lửa thì nóng khô, nước chảy thì ẩm ướt. Hoặc có người một đời dụng tâm thuần tịnh, bền vững tin chắc, chí thành lễ tụng, sám hối phát nguyện. Tôi biết người này hoặc thân hoặc tâm sẽ giao tiếp với khí loại Di-đà - Trí Luận chép: Như gió thổi cây nghiêng về Tây khi ngã thì sẽ ngã về Tây. Làm lành được sinh cũng thế. Như có người nguyện lực đã mỏng mà tội chướng lại nặng. Khi qua đời tướng ác hiện, niệm Phật được Phật đến cứu là do năng lực Phật, Ma không làm được. Nếu người được sinh An dưỡng Tịnh độ mà bị ma bắt thì là sức Phật không bằng sức ma ư? Cho nên Đại Phẩm Bát-nhã nói: Nếu người chép kinh Bát-nhã ba-la-mật cho đến tu hành là do năng lực Phật, ma không thể làm hại. Lại trong các kinh Đại thừa nói Bồ-tát Thiên Tiên, Kim cương, Lực sĩ đều có thế nguyện giúp người tu hành, ma không có dịp làm hại. Cho nên ngài Nam Sơn nói: Di-đà tướng quân ủng hộ rất nhiều. Nếu thấy đám Ma phá rối Tỳ-kheo thì liền đến đứng lúc dẹp trừ. Nay người sinh Tịnh độ nếu bị ma phá, các Đức Phật, Bồ-tát, Hộ pháp thần tướng há chẳng cứu ư? Nguyên khi qua đời thấy Phật, Phật từ tâm hiện Tịnh độ rộng lớn cũng hiện từ tâm. Ông mê chỉ quy mà vọng bài bác, ta e ông sẽ bị cất lưỡi đao đốn không tránh khỏi. Nếu như có người chết sinh cung ma thì do khi tu hành nhiều ma nghiệp. Ma nghiệp là nương nhờ Phật Pháp mà ham hố danh lợi, ngoài hiện tướng trong sạch mà bên trong hôi hám rã mục, dối gạt lừa đảo. Luôn tự cao, cất cái hay ngàn thước của người còn nửa phân mà khoe cái ít một của mình là muôn học. Người này khí phần ắt giao tiếp với ma. Nên khi qua đời nếu không đọa ác thì sẽ sinh cung ma. Nếu khỏi đọa ba đường ác mà sinh ma cung thì đây cũng là may lắm. Huống cõi trời Đại Tự Tại vốn là đại quyền, nên kinh Tịnh Danh chép: Kẻ làm ma vương đều là Bồ-tát trụ vào Bất tư nghì giải thoát, dùng phương tiện mà giáo hóa chúng sinh. Cho nên trong kinh nói Ma Vương đem mười hai ngàn thiên nữ đến mê hoặc Bồ-tát trì thế, ngài Duy-ma-cật vì nói pháp cho nghe thì các ma nữ đều chứng Tam-muội Vô tận đấng. Nói may mắn là đây vậy. Rất mong



người tu hành từ nay về sau hãy nên tự xét tâm tu Tịnh độ là tâm thuần tịnh hay là nghiệp ma. Muôn pháp duy tâm, tâm tịnh thì Phật rước, tâm cấu thì ma dẫn. Đối lý rất dễ hiểu có gì phải nghi? Lại một hạng người giáo nhân bị mù, tham lam, mạn chậ bụng, thị phi đầy hông, lúc bình an thì trong bốn ma hết ba thứ chẳng biết. Khi qua đời sợ sinh vào cung ma, miệng nói hàng phục thiên ma mà trong tâm còn pháp ngồi chết nguyện sinh vào nhà giàu sang, thật là một điều đáng cười.

**15. Nói về Duy tâm Tịnh độ. Của Pháp sư Viên Biện Đạo Châu.**

Có người hỏi: Duy tâm Tịnh độ bốn tánh Di-đà là sẽ vãng sinh hay là tức Tâm? Nếu vãng sinh sao bảo là duy tâm? Nếu Tức tâm vì sao kinh nói cách mười muôn ức cõi Phật?

Đáp: Sự và lý có khác. Nói theo sự thì sẽ vãng sinh còn dựa theo lý thì tức tâm. Nay bàn Viên gia sự lý một thể không khác, đầu thể chống đối, nhân, chia mà thông nghĩa này. Phải biết mười giới bốn cõi, hoặc Tịnh hoặc Cấu chẳng lia tâm ta. Tâm này hoàn toàn là vọng niệm vì sẵn có. Cho nên đầy đủ trăm giới ngàn như. Các pháp y, chánh ở đây cũng đầy đủ mà thôi. Nếu đạt được toàn đủ là khắp. Khắp chúng sinh, Phật, các chúng sinh và Phật cùng khắp cũng giống như thế. Nếu một pháp thì cả pháp giới rộng lớn đều cùng đủ, riêng đủ, dung nhau, nhiếp nhau. Tham mà chẳng tạp, lia mà không chia; một, nhiều tự tại, không lưu ngại nhau. Phàm như thế thì sao có Ta-bà của Thích-ca, Lạc bang của Di-đà mà lia tâm ta ư? Cho nên Phù Hành có nói: lại người học đầu biết nội tâm có đủ ba ngàn pháp mà không biết tâm ta khắp ba ngàn kia, mỗi mỗi ba ngàn cũng khắp như thế. Nếu thuận theo phàm tình mà sinh ra cái thấy trong ngoài, thì nên chiếu xét lý thể vốn không có bốn tánh, ba thứ tâm Phật và chúng sinh không khác nhau. Người biết rõ đây mà nương tựa thức tâm. Y theo đây thì biết ba ngàn vốn là pháp dung diệu, nhậm vận nhiếp đủ y, chánh sắc tâm, cõi nước tịnh, uest. Đã nói ba pháp không khác nhau thì duy tâm bốn tánh không còn đến nỗi phải nghi. Nay lại thí dụ để làm sáng tỏ. Như trong điện Đế Thích trên có màn lưới báu dính ngàn hạt châu, hình bóng của các hạt châu cùng chiếu vào một hạt châu, một châu có đầy đủ các hạt châu kia, khắp ngàn hạt châu đều cùng chiếu soi nhau. Cũng giống như thế, một tâm tức là một hạt châu trong ngàn hạt châu, cõi Phật Di-đà kia cũng là một hạt châu trong ngàn châu. Có bao nhiêu chúng sinh trong mười cõi đều sinh đến một cõi, thì một cõi đều là một hạt châu trong ngàn hạt châu. Tâm ta đã là một hạt châu có công năng chiếu khắp các hạt châu. Trong tâm

ta không có các hạt châu thì lia ngoài tâm ta không có riêng Tịnh độ, vì sao? Vì Đức Thích-ca cũng là một hạt châu, Đức Di-đà cũng là một hạt châu. Nêu một mà gồm thâu tất cả, há ngoài tâm lại có Pháp. Cho nên nói duy tâm Tịnh độ, bốn tánh Di-đà. Song nói duy tâm là đủ, sao còn nói cách mười muôn ức cõi Phật ư? Phải biết ý chỉ của kính là dùng lý chọn tình mà nói. Vì sao? vì tình sinh thì mười muôn là xa xôi, còn duy tâm thì chỉ trong một niệm. Lý như thế thì chỉ Duy tâm mà thôi, sao nói Tịnh độ? Nên biết Thể nó không nhân quả, một niệm duy tâm mê ngộ đã khác, nhân quả rõ ràng như thế. Di-đà là quả ngộ, chúng ta là nhân mê. Sinh tâm ưa thích nhằm chán, thuận theo lời Phật khuyên cầu sinh. Nên nói Duy tâm lại nói Tịnh độ vậy. Song đã có lấy bỏ, ưa chán thì không thành giả dối chẳng? Thưa rằng: Nên biết người tu Viêngiáo hễ bỏ thì bỏ uest, hết cả ba với chín cõi đều bỏ. Hễ lấy thì lấy Tịnh cùng nguồn lấy thẳng Thượng phẩm tịch quang. Cho nên Diệu Tông chép: Nếu lấy bỏ cùng cực thì cùng với chẳng lấy bỏ cũng chẳng phải khác vết xe. Bởi vì tịch quang không lia ba cõi, mười cõi chỉ là bốn cõi mà thôi. Nếu bốn nhãn hai trí mà quán thì muôn tượng sum la ba độ chín giới đều bỏ, nếu lấy Phật nhãn chủng trí mà quán thì chân không vắng bật, không phải lia ba cõi chín cõi mà có tịch quang riêng. Không phải ngoài tịch quang mà có Ta-bà riêng. Như người xưa nói chỉ duyên tức tâm là Phật, nhưng phải cần nhờ tu hành, là ý này vậy. Biết rõ duy tâm thì chẳng ngại mười muôn đường xa. Lấy lý chọn tình ý đó sâu lắm vậy. Lại còn phải biết đây là nói theo thuận thì rõ tánh là hạnh, nếu nói theo nghịch thì bỏ tánh thành mê, cũng có thể bàn về duy tâm địa ngục, địa ngục này cũng là một trong ngàn hạt châu. Cũng là Toàn Đủ biến khắp. Ngoài địa ngục vì không có pháp khác. Tất cả thú hưởng địa ngục, thú hưởng này không ngoài sáu thứ, tức ba ngàn đều là địa ngục, như thế thì giường sắt chẳng khổ, biến dịch không đổi dời. Tất cả đều là Tánh đức sẵn có tánh ác, pháp môn do đó mà biết. Hoặc thuận hoặc nghịch, nhân quả, mê ngộ, sự lý, tu tánh. Nếu rõ Duy tâm bốn tánh chỉ là một, ba ngàn pháp dung diệu, mười muôn đường xa đều chẳng ngại. Vì sao, vì chân cụ, vì dung nhiếp, cho nên được như thế. Như trên là lược nêu vài nét, nếu muốn chứng sâu lý này thì phải dẹp bỏ tình tưởng.

#### ***16. Duy tâm Tịnh độ của Thiên sư Cô Tô - Thủ một.***

Thiên sư Cô Tô con của họ Trịnh, dòng họ này hiển quan sớm. Thuở nhỏ nương Thiên sư Viên Chiếu, được đại triệt ngộ, xướng đạo ở Tuyên thành, đạo tục đều khâm kính. Từ khi ở chỗ Thiên sư Thiên Y

Nghĩa Hoài đến nay chuyên dùng pháp Tịnh độ gặp ai truyền trao đều được vãng sinh, đều có những chứng nghiệm rõ ràng, có chép đủ trong Bảo Châu tập. Sư có văn Duy tâm Tịnh độ, nay chép ở đây.

Phật nói Tịnh độ Cực lạc khắp khuyên chúng sinh cõi Ta-bà phải nên phát nguyện sinh về cõi nước ấy. Song người học đốn thì bỏ đi coi là quyền thuyết, người không thông lý tánh thì câu nệ vào sự tướng. Ta có học Duy Thức chỉ ngăn ngoại cảnh, thức biểu thị cho tự tâm. Ngoài tâm không cảnh, cảnh toàn là tâm. Tâm pháp cùng khắp, Tịnh độ đâu lia đương niệm, chúng sinh và Phật đồng thể. Di-đà toàn là ở tự tâm mà nhiếp hết hữu tình, thật không có Phạm Thánh khác nhau, dung thông pháp giới đâu có phân chia ranh giới xa gần. Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói tâm còn ngầm hiện cõi Phật cảnh Thánh, chỉ có Xiển-đề không có tín căn thì mười muôn ức cõi Phật xa cách ngoài phương khác. Thiên sư Thiên Y Nghĩa Hoài một đời hồi hướng Tịnh độ. Hỏi người học rằng: Nếu nói bỏ uế lấy tịnh, chán đây ham kia thì tình lấy bỏ trở thành vọng tưởng của chúng sinh. Nếu nói không có Tịnh độ thì trái lời Phật nói. Vậy người tu Tịnh độ phải tu như thế nào. Lại tự đáp rằng: Sinh thì chắc chắc sinh còn đi thì thật chẳng đi. Nếu hiểu rõ ý này thì Duy tâm Tịnh độ hiển rõ vô ngại. Luận nói: Trí tu Duy Thức thông, như thế mà chọn Tịnh độ, nguyện các đồng tu quyết định cầu sinh. Năm Quý Tỵ, niên hiệu Chánh Hòa thứ ba, Tỳ-kheo Thủ Nạp kính ghi lời tựa.

Trong luận Kim Cang Bát-nhã, ngài Thiên Thân có kệ rằng: Trí tu duy thức thông, như thế chọn Tịnh độ, không phải hình, thể bậc nhất, chẳng trang nghiêm trang nghiêm. Luận tự giải thích rằng: “Trí tu duy thức thông”, đây là nói cõi chân, các Đức Phật không có việc trang nghiêm cõi nước. Các Đức Phật chỉ có trí tuệ chân thật, tu tập thức thông đạt, là tu tập trí không phân biệt, thông suốt tánh Duy thức chân thật. Như thế chọn Tịnh độ, là tu trí này, hàng Bồ-tát tu Duy Thức thông là lấy được quả Tịnh độ, không phải hình, thể là bậc nhất, câu này nói thể Tịnh độ không tư sinh diệt, là hình Tịnh độ do lý chân thật Đệ nhất nghĩa, là thể của Tịnh độ. Chẳng trang nghiêm trang nghiêm:

1. Hình tướng độ: Tức nước chim cây rừng... các việc trang nghiêm.

2. Pháp tánh độ: Tức là chánh trí, chứng khế hợp chân như vô lậu công đức không có hình tướng là trang nghiêm.

### **17. Thuyết khuyên tu Tây phương của Pháp sư Giải Không Khả Quán.**

Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở cõi Tà-bà, hóa độ cả cõi Đại thiên, ứng Tích ở Trung Thiên, tám tướng thành Đạo, rủ lòng từ với vật, ở trong các Đại giáo hoặc do nhân mà đến như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Hoặc chuyên vì một duyên như kinh Thập Lục Quán, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Xưng Tán Tịnh độ, do La-thập dịch, tức kinh Tiểu Bản Di-đà và kinh Cổ Âm Vương, khắp khen Tây phương, khuyên tu niệm Phật. Tất cả Đại giáo chánh tông đều giải thích về các đường lối tu hành. Nếu muốn y lời kinh nói mà thực hành. Nếu không phải bậc Đại căn đại trí, duyên đời trước thuần thực thì khó đến mà được mau phát ngộ ra khỏi sinh tử. Lại sợ sinh tử đầu hện, không thể trước an sau thuận. Thế nên Phật A-di-đà dùng năng lực bốn nguyện mà thị hiện thế giới Cực lạc Tây phương y chánh trang nghiêm, hoa sen thanh tịnh, ba bậc chín phẩm. Muốn dẫn dắt người niệm Phật, nhất tâm bất loạn, duyên niệm Đức Phật ấy, thời đến duyên đủ thì an nhiên qua đời, thấy ánh sáng Phật không lạc vào cảnh ma, quyết định vượt cao, không vào vòng khổ, đây là một việc. Nếu không có Đức Thích-ca xuất hiện ra đời thì do đâu mà được. Cho nên chắc chắn không phải duyên nhỏ. Nên biết chỉ khen ngợi Tây phương là pháp cấp cứu, sao để giữa dòng mất thuyền ngàn vàng. Chính như Phật nói kinh A-di-đà không đợi thời cơ phát khởi liền nói kinh, là ý ở đây vậy. Đời Đông Tấn tại Hồ Khê thuộc Lô sơn, Pháp sư Tuệ Viễn kết xã Bạch Liên, Hiền Sĩ Đại phu và các Tôn giả một trăm mười tám vị đồng tu Tây phương, niệm Phật Tam-muội, lúc qua đời thấy Phật, liền được vãng sinh. Tuy Tạ Linh Vận tạp tâm đã ngưng nhưng không cho vào xã. Từ đây truyền mãi đời sau luôn kính ngưỡng dấu vết ngài không thôi. Tất cả đều tin theo rất thịnh ở đời truyền bá Lục Tổ Đàn kinh. Người tu thiền gặp Lục Tổ nhân đó hỏi. Có pháp tu Tây phương, nó như thế nào? Lục Tổ đáp: Vì tự Tâm có Tây phương tức là chân Tây phương. Tâm tự có Tây phương còn tìm Tây phương ở đâu. Người phương Đông tạo tội gây nghiệp cầu sinh phương Tây. Nếu người phương Tây tạo tội gây nghiệp thì cầu sinh ở đâu? Chỉ ngộ được tánh thì việc gì chẳng được. Ôi như thế thì què kệch đáng cười. Trộm gọi Tổ sư chẳng thể hành dụng. Có người nói đã ngộ tánh đây cũng có lý. Lý ấy thiên lệch đều là bệnh thiền. Tương truyền Cao ly đốt bỏ sách này. Bậc thầy người Liêu đông, hơi có mắt, xưa khen ngợi Minh giáo cao vọt, sao lại không giữ lời, lão này gốc giới bền chắc, khiến nêu lên để viết hành trạng. Lúc bình thường còn nhỏ, tiếng nói như chuông. Thân

sau khi thiêu thì sáu việc không hư, có thể nói là Tăng bảo đời sau khó sánh kịp, không thể cầu đủ, cũng thấy việc này. Phải biết Tây phương niệm Phật Tam-muội rất dễ tu hành, chỉ cần hằng ngày nhất tâm bất loạn giữ niệm Phật ấy. Nguyên lực Phật ấy, tự niệm Phật lực, nhậm vận tương ứng. Dầu có lấy bỏ cũng chẳng lấy bỏ, không hề có dấu vết khác. Vì sao? vì niệm niệm lia tướng, hoàn toàn không thật có. Như hạt châu để trong mâm lăn tròn tự tại vô ngại. Thân tâm thanh tịnh cũng như hoa sen, đạt duy tâm hiểu bốn tánh ở ta mà thôi, cách đây không xa.

### **18. Nói sơ lược nhân Tịnh độ của Đãi Chế Triều Thuyết Chi.**

Triệu Tử Hòa Nhân Dục ở Lâm Truy, gửi thư cho Vĩ Thượng Lão Pháp Hoa rằng: Tôi vốn người Đông châu do đọc văn của ngài mới biết có Tịnh độ Tây phương có thể tu, nó phát nguồn từ Thiên Thai giáo. Ông nên ở Viên Diệu Đại giáo này chuyên nói một việc chân tu này mà làm lợi ích cho những người vô tình hữu tánh như chúng tôi. Bộc Xạ Chi nói: Những người phạm phu còn bị sự trói buộc cùng tôi đồng ở trong ba tai tám nạn nào dám đảm đương việc này. Tuy nhiên người bệnh chưa hẳn không biết đến thuốc. Trộm nghe có sinh ắt có tử, mà Phạm Thánh thì khác với vừa phạm vừa Thánh, mà thân cõi có khác với có thân thì có cõi, có cõi thì có thân, cái gì uế cái gì tịnh đâu chẳng phân biệt được ư? Phật Thích-ca Mâu-ni và Phật A-di-đà thương xót chúng sinh này nên đồng một nguyện lực ở ngoài vô lượng vô biên pháp môn mà lập ra một pháp môn này. Đức Thích-ca là khách, Đức Di-đà là chủ. Đức Thích-ca là sinh, Di-đà là nhà. Đức Thích-ca theo bệnh mà cho thuốc, Đức Di-đà khiến trọn đời không bệnh. Cõi của Thích-ca là ở tạm, cõi của Di-đà là quê cũ. Từ Tây trúc nhìn sang An lạc cũng như ở Chấn đán ta nhìn về An lạc là một. Thế nên các ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, Long Thọ, Hiền Hộ, Vô Trước, Thiên Thân... đều nguyện vãng sinh. Mà Quán Âm, Thế Chí vừa ở chỗ Thích-ca vừa ở bên Di-đà. Cõi nước chúng ta bắt đầu từ Bạch Liên xã do ngài Tuệ Viễn cùng Tạ Linh Vận, Lưu Di Dân... đề xướng. Nói sau có Đàm Loan, Đạo Trân, Hoài Cảm, Hoài Ngọc, Đạo Xước, Thiện Đạo... hạnh nguyện rất nổi tiếng lại có thể khảo cứu. Đại sư Thiên Thai Trí giả của ta đã nối tiếp Thánh hiền, đã mở mang Pháp Hoa, giáo bắt đầu rất đầy đủ mà thực hành càng xa, trước Pháp Hoa có kinh Duy-ma-cật đứng đầu khởi giáo Tịnh độ. Sau Pháp Hoa có luận Khởi Tín đều trọn chứng về Tịnh độ. Xét đề mục có mười thứ Phật độ, có hai mươi bảy phẩm cõi Phật. Nó hợp thành bốn cõi. Sau, từ ngài Trí Giả thì bắt đầu có tên gọi bốn cõi rải rác trong các

kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy-ma, Nhân Vương, Phổ Hiền Hạnh Nguyên và luận Đại Trí độ. Chỉ ngài Trí Giả ta hợp lại mà sắp xếp thứ tự. Như trong kinh Duy-ma thì gọi là không thất, trong kinh Pháp Hoa thì gọi là tháp báu ở không trung, đó là cõi Thường Tịch Quang. Chúng sinh ở Duy-ma, chúng Bảo Liên Hoa ở Pháp Hoa đều là Bồ-tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Ở Duy-ma, Pháp Hoa thì Thanh văn, Bồ-tát cùng làm Tăng, tức là cõi Phương tiện hữu dư. Thấy nước Diệu Hỷ ở Duy-ma, ba lần biến mặt đất ở Pháp Hoa tức là Tịnh độ Đồng Cư. Duy-ma có Bồ-tát Hương Tích, Pháp Hoa đầu tiên phát ra ánh sáng rực rỡ là uế độ đồng cư. Phật bảo Trưởng giả Bảo Tích rằng: Bồ-tát tùy chúng sinh được hóa độ mà chọn lấy cõi Phật, tức là cõi Đồng cư. Tùy sự điều phục chúng sinh mà chọn lấy cõi Phật, là cõi Phương tiện hữu dư. Tùy chúng sinh dùng cõi nước nào để vào trí tuệ Phật mà chọn lấy cõi Phật tức là cõi Thật báo trang nghiêm. Tùy chúng sinh lấy nước nào để khởi căn Bồ-tát mà chọn lấy cõi Phật, tức là cõi Thường tịch quang. Văn ấy tuy ẩn kín mà nghĩa sáng tỏ. Tên tuy nhiều nhưng lý lại hợp. Nếu không phải do ngài Trí Giả nêu ra thì không biết làm sao. Xét ngài Tuệ Viễn, ở vào thời giáo Điển chưa đầy đủ, lúc căn cơ chưa thuần thực. Trí giả dẫn dắt các bậc Hiền mà sáng lập đạo, đập sóng gió mà lắng sâu, mở ẩn bí mà làm bật sáng, trọn thành giáo này tặng lại người sau. Há chẳng đến từ Tịnh độ mà muốn cõi uế này thanh tịnh ư? Kinh Pháp Hoa trong phẩm Dược Vương chỉ bày thế giới An lạc, sinh trong hoa sen, còn ở phẩm Phổ Hiền thì bày cung trời Đâu-suất sinh về chỗ Di-lặc. Ngài Trí giả bỏ hạnh Phổ Hiền mà chuyên ý với sự chứng đắc quả Dược Vương. Sau đó, có pháp sư Từ Ân lại bỏ Dược Vương mà chuyên ý Phổ Hiền thì lại biết rõ là bốn cõi có phân biệt. Chỉ biết bốn cõi thì mười sáu quán gồm hết, ba thân, bốn giáo, muôn pháp đều không sót. Tuy nhiên có hai bệnh:

1. Nghi chẳng tin. Nếu họ nghi chẳng tự tin thì tin trong ta nào có bổ ích gì. Trí giả bị bệnh nên soạn luận Thập Nghi. Đời Đường, ở Vĩnh châu, Tổn Thượng nhân đặc biệt soạn luận ấy lên vách chùa Long Hưng mà cảm được rất sâu.

2. Tin mà cuồng điên ngu si, chẳng biết ngộ tâm nhập quán, nói nhân để chứng quả. Chỉ nói ta giữ tâm được tịnh còn ai cũng chẳng phải Tịnh độ, giống như hay nói lời Duy-ma thật mình là dân Thiên ma, há chẳng cần trọng ư? Đáng tiếc thay. Ở đời nay phát triển mạnh giáo này. Bởi có người, như Pháp sư Từ Vân về giáo hạnh, Pháp sư Tứ Minh về quán trí. Người gần đây như Luật sư Linh Chi về biện luận vì sao được



chuộng, Vĩ Thượng lão Pháp Hoa xưa từ Pháp sư Minh Trí mà sinh tín. Sau rất thông dong ở Linh Chi.

### **19. Các thuyết về Tịnh độ của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.**

**Kinh chép:** Di-đà là thân pháp giới. Thân cao sáu mươi muôn ức na-do-tha do-tuần, có thứ trượng sáu, có thứ trượng tám, có thành rộng mười ngàn do-tuần. Có ao tắm rộng tám mươi bốn ngàn dặm. Có nghi thành, có biên địa, có thai cung, có cơm ăn, có hoa lá hai trăm năm mươi do-tuần. Có thứ lớn như bánh xe. Có cha mẹ, có ma vương. Có cõi không trang nghiêm như của Đức Thích-ca, nhưng các kinh luận thường có sự khác nhau, há là một thời quyền biến phó cơ ư? Đáp rằng đâu thể gọi là quyền? Hơn nữa, Đức Thích-ca đứng đầu tam thiên đại thiên thế giới thì một tứ thiên hạ này quả báo còn có sai khác, há các nước đều đồng nhau? Ứng thân Đồng cư còn như thế, huống chi ba thân bốn cõi. Huống gì Di-đà dắt dẫn chúng sinh niệm Phật mười phương cao thấp, cạn sâu cũng chẳng đồng. Sợ chẳng những đại thiên thế giới mà thôi, há chỉ dừng lại ở mười ngàn do-tuần ư? Huống ba thân bốn cõi do đó mà biết thuyết chẳng đồng nên nói như thế. Song các kinh luận chẳng nói rõ. Đã muốn hành giả chuyên chú vào một cảnh, do đó không cần phải nhiều, huống là như vừa kể, là có nhiều tướng như thế. Song ở đây chỉ có ngài Tứ Minh thông đạt sâu xa, giải thích năm trước nặng nhẹ, đồng cư tịnh uế, bảo rằng tịnh này rất chung, phải biết ý riêng. Như ở bốn giáo, sơ tâm và giới thiện đều có thể năm trước mỏng nhẹ thì chiêu cảm đồng cư tịnh. Nay Viên quán khinh trước, y, chánh rất Tịnh so các kinh khác mà tu các hạnh lành thì tướng nó rất khác xa. Người khác nghe lời nói này bảo Tứ Minh là nghĩa gì. Phàm loài chim cánh vàng nuốt rỗng ở chín vực, quán suốt bảy lầu vàng, dừng nghỉ trên núi thiết vi. Éch ở giếng mà tin ư.

### **20. Ghi chép về tự tin Tịnh độ của Vô Công Tẩu Vương Diên.**

Tôi thấy giáo truyền về phía Đông của Như Lai, nếu nói thuyết chỉ thẳng bốn tâm khiến người rất lý, có người hiểu biết nên đã tin theo, còn những người hiểu biết thấp kém cũng không dám bàn đến. Chỉ bày việc vãng sinh của luận Tịnh độ thì mọi người đều hoài nghi. Lại chúng sinh tâm vốn có bốn thứ Tịnh độ là Phàm Thánh đồng cư, Phương tiện hữu dư, Thật báo vô chướng ngại và Thường tịch quang Phàm Thánh đồng cư thì hàng phàm phu còn bị trói buộc có thể nương ở. Còn ba cõi kia, thì dứt hoặc bậc Thánh mới được chứng nhập. Pháp môn vãng sinh



có hai tịnh nghiệp là: Chánh quán ngẫm xét bốn tâm và trợ hạnh tu đủ muôn hạnh lành. Chánh quán và trợ hạnh đều tiến thì đạt đến bốn Tịnh, chỉ có nguyện làm các điều lành, gần thì sinh Phạm Thánh đồng cư, xa thì làm nhân sinh ba cõi trên. Theo luận này thì Tịnh độ chính là cảnh giới mà Bồ-tát rốt lý chứng được, bao gồm tất cả chúng sinh mệnh mong hồi hướng tiệp tu. Họ tin lời Như Lai chỉ thẳng bốn tâm khiến người rốt lý mà nghi việc bày Tịnh độ vãng sinh là sao? Đại để là bốn tâm chúng sinh, thể không có một pháp có hình dụng, không một tướng nào chẳng đủ mà họ không biết, cho rằng thẳng như hư không vắng lặng, không còn y, chánh trang nghiêm. Lại trợ hạnh lấy chánh quán làm chính, chánh quán lấy trợ hạnh làm phụ. Hai là đối nhau mà lập, dường như trái nhau mà lại phù hợp, mà họ không biết, gọi là rốt lý quên duyên thì đâu cần phải thêm nguyện, thêm nguyện vãng sinh thì có ngại cho rốt lý, huống là Tịnh độ có đủ cả bốn phẩm. Người vãng sinh trên đến rốt lý Bồ-tát, dưới gồm tiệp tu chúng sinh thì loại nào chẳng thu, cơ nào chẳng nhiếp mà họ không biết. Nghe Thánh sư cao tăng vãng sinh thì tự cam mình không có phần. Thấy đàn bà trẻ con niệm Phật thì thẹn thùng mà làm theo. Ôi, Như Lai khen ngợi Tịnh độ có ý bảo rằng Tịnh độ mình người, Phạm Thánh, nhân quả tức tự tâm chúng sinh mà thôi. Vãng sinh Tịnh độ là dễ, tự tin tâm mình là khó. Đương thời các Đức Phật mười phương biết là nói Pháp tất cả thế gian khó tin, do đó mà bày tướng lưỡi khuyên tin. Rồi Như Lai lại dụ khiến nên tin nhận. Ý chỉ Từ bi của Đấng Đại Giác có thể thấy ở đây mà chúng sinh chẳng hề tin, thật đáng trách. Một hôm, có người hỏi, tôi dùng giáo Tịnh độ, tùy chỗ vấn hỏi mà luận bày, khi rảnh tôi bèn biên lại thành sách được mười câu vấn đáp đặt tên là Tịnh độ Tự Tín Lục những ai hoặc thấy hoặc nghe hoặc y hoặc trái, chẳng rời Ta-bà đã về Cực lạc. Đây là chí của tôi.

Tứ Minh Vô Công Tẩu Vương Điền kính ghi.

### **21. Tịnh độ chuyên tu và tạp tu của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.**

Hỏi: Vì sao chẳng dạy quán tưởng mà dạy xưng niệm danh hiệu là có ý gì?

Đáp: Chúng sinh chướng nặng, cảnh tế, tâm thô, thức tán, thân động thì quán khó thành tựu. Ấy vì đại Thánh Từ bi thương xót khuyên thẳng chuyên xưng danh hiệu chính là do xưng danh thì dễ, nối nhau mãi liền sinh, nếu như trên mà niệm niệm nối nhau lấy cái chết làm kỳ hạn, thì mười người tu mười người sinh, trăm người tu trăm người sinh.

Vì sao? vì không ngoài tạp duyên mà được chánh niệm, vì tương ứng với bốn nguyện của Phật, vì không trái với giáo, vì thuận theo lời Phật nói. Nếu bỏ chuyên niệm mà tu tạp nghiệp, thì trong một trăm người chỉ hy vọng được một, hai, trong ngàn người chỉ mong ba, bốn. Vì sao? vì do tạp duyên loạn động, vì mất chánh niệm, nên không tương ứng với bốn nguyện Phật, trái với giáo, không thuận theo lời Phật, vì giữ niệm không nối nhau nên tâm không liên tục nghĩ báo ân Phật, vì thế tuy thực hành hạnh nghiệp mà thường tương ứng với danh lợi nên thích gần tạp duyên, chướng mình chướng người. Vì chánh hạnh vắng sinh, so với đạo tục các phương khác thấy giải hạnh khác nhau, chuyên tạp có khác. Nếu chuyên ý thực hành thì mười người tu mười người sinh. Còn tu tạp chẳng dốc lòng thì ngàn người không được một. Ngưỡng mong tất cả người vắng sinh nên khéo tự suy lường mình nay thân này nguyện sinh về nước ấy, đi đứng nằm ngồi thân tâm hết sức cố gắng, ngày đêm không phế bỏ, đến chết mới thôi. Chỉ ở thân hình, dường như có chút khổ, niệm trước dứt rồi, niệm sau liền vắng sinh. Trong nhiều kiếp lâu dài luôn được pháp Vô vi cho đến thành Phật, không trở lui vào sinh tử, há chẳng vui sao?

**22. Luận về hoành xuất và thụ xuất của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.**

Thụ Xuất là Thanh văn tu Bốn đế, Duyên giác tu mười hai nhân duyên, Bồ-tát tu sáu độ muôn hạnh. Các hạnh tu này bước lên giai vị như lên bậc thang, tự phải có tài học. Lại như ra làm quan cần phải có công lao. Hoành xuất là niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ví như được phúc ấm, công do sức của ông cha và người khác, bất luận có tài học hay không. Lại như do vua ban ân chuyển khắp, công do quốc vương, bất luận trải qua các việc cạn sâu. Ở Hoành xuất có Định thiện và Tấn thiện, nên Hòa thượng Thiện Đạo lập chuyên tu và tạp tu. Tạp tu nghĩa là tản mạn tu các nghiệp lành mà hồi hướng trang nghiêm. Còn chuyên tu là chuyên lễ Phật A-di-đà mà không xen các lễ các Đức Phật khác, miệng chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà mà không niệm các danh hiệu khác, chẳng tụng các kinh chú khác, ý chỉ chuyên tưởng Phật A-di-đà không tu các quán khác. Nếu chuyên tu thì mười người tu mười người sinh, trăm người tu trăm người sinh. Còn tạp tu thì trăm người chỉ được một, hai người sinh, ngàn người chỉ được năm, ba người sinh. Nay thấy người đời có khi một ngày lễ Phật A-di-đà ba ngàn lạy, ngày niệm Phật A-di-đà mười muôn câu. Có người ngày đêm tập ngồi chuyên tưởng Phật A-di-đà và các cảm ứng, rất có linh nghiệm.

### **23. Pháp mười niệm buổi sáng của Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức.**

Người tu Tịnh nghiệp mỗi ngày vào lúc sáng sớm phải rửa mặt chải tóc, mặc áo sạch, xoay mặt về hướng Tây đứng chấp tay xưng niệm nối nhau danh hiệu A-di-đà Phật hết một hơi là một niệm. Như thế mười hơi gọi là mười niệm, chỉ tùy theo hơi dài ngắn không hạn chế câu Phật nhiều ít. Chỉ cần dài lâu hơi rốt làm mức. Niệm câu Phật không cao không thấp, không chậm không mau, điều hòa vừa chừng. Mười hơi như thế liền nhau không dứt ở ý, luôn khiến tâm không tán loạn, chuyên tinh thành công phu gọi là mười niệm, là chỉ rõ việc nhờ hơi cột tâm. Hết một đời này chẳng được một ngày bỏ phước, chỉ lấy không bỏ phước tự cần yếu ở tâm thì chắc chắn được sinh nước ấy. Niệm như thế xong, kể phát nguyện rằng:

Con đệ tử là... một lòng quy mạng Đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc. Xin chiếu ánh sáng thanh tịnh vào thân con, dùng thế nguyện từ bi che chở con. Nay con chánh niệm xưng danh Như Lai, trong khoảng mười niệm, vì đạo Bồ-đề cầu sinh Tịnh độ. Phật xưa vốn thế nếu có chúng sinh nào muốn sinh về nước ta, dốc lòng tin ưa, dù chỉ mười niệm mà chẳng sinh, thì ta không thành Chánh giác, chỉ trừ người gây năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp. Nay con tự nhớ đời này, đời sau chẳng tạo tội nghịch, chẳng chê Đại thừa. Nguyện mười niệm này được vào biển thế lớn của Như Lai, nhờ Từ lực Phật, các tội tiêu diệt, nhân lành thêm lớn. Nếu khi sắp qua đời thì được biết trước. Thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý chẳng điên đảo, như vào thiền định. Phật và Thánh chúng, tay bưng đài vàng, đến đón rước con. Trong khoảng một niệm, liền sinh Cực lạc. Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mở nhanh Phật tuệ, rộng độ chúng sinh, tròn nguyện Bồ-đề.

### **24. Phương pháp niệm Phật của Thiên Trúc sám chủ Tuân Thức.**

- Phàm đấng Đại giác Thế Tôn dùng bốn pháp độ các chúng sinh:

1. Thị hiện tướng đẹp đẽ, khiến người quán sát phát tâm Bồ-đề.
2. Thị hiện nói pháp khiến người được nghe khai ngộ vào đạo.
3. Thị hiện hóa độ khiến người thấy nghe được các pháp lợi.
4. Danh hiệu truyền khắp mười phương khiến người nghe chấp trì giữ niệm thì tội diệt, thiện sinh, mà được độ thoát.

Ở đây nói niệm Phật thì hoặc chỉ duyên với ba mươi hai tướng

tốt mà giữ tâm được định, mở mắt, nhắm mắt đều thường thấy Phật, hoặc chỉ xưng niệm danh hiệu chấp trì không tán loạn, cũng ở hiện đời này được thấy Phật. Ở cõi này hiện thấy phần nhiều xưng niệm danh hiệu Phật là trên hết. Như Pháp sư Hoài Cầm chỉ một mạch xưng niệm danh hiệu A-di-đà Phật mà được Tam-muội, hiện tiền thấy Phật. Cho nên nay khắp bày pháp xưng niệm danh hiệu Phật, cần phải định tâm khiến không tán loạn, niệm niệm nối nhau, duyên với danh hiệu. Trong miệng từng tiếng thường đọc A-di-đà Phật, lấy tâm duyên theo từng chữ rõ ràng, khiến tâm và miệng cột nhau. Hoặc trăm câu, ngàn câu, muôn câu, hoặc một ngày, hai ngày hoặc bảy ngày. Chỉ khi niệm danh hiệu thì không quản nhiều ít, chỉ cần một lòng một ý, miệng và tâm nối nhau. Như ở cõi này một niệm diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Nếu không được thế thì diệt tội rất khó. Nếu sợ tâm tán loạn thì đọc lớn nhanh thì tâm dễ định, Tam-muội dễ thành. Cho nên Pháp sư Hoài Cầm trong luận Quyết Nghi có dẫn kinh Đại Tập Nhật Tạng kinh nói niệm nhỏ thấy Phật nhỏ, niệm lớn thấy Phật lớn. Luận giải thích rằng: Niệm lớn là lớn tiếng niệm Phật. Niệm nhỏ là nhỏ tiếng niệm Phật. Đây là lời Thánh dạy đâu có lầm lẫn, khuyên các người học chỉ cần cố gắng lên tiếng niệm Phật, Tam-muội dễ thành. Nếu nhỏ tiếng niệm Phật thì bị nhiều tán loạn. Đây chỉ người thực hành mới biết, người ngoài không hiểu được việc này, Đại sư Thiên Thai Trí giả trong khi giải thích kinh Quán có nói rằng: Khi người tội sắp qua đời xưng Phật hiệu mười niệm thì đập tắt được lửa địa ngục mà được sinh Tịnh độ, ý ấy rõ ràng. Như nói tâm ấy tuy thời gian ít ỏi nhưng năng lực rất mạnh, tâm quyết đoán chắc chắn thì năng lực hơn cả nguyện lực trăm năm. Tâm ấy gọi là đại tâm, chẳng tiếc thân mạng, gọi là người có sức mạnh. Đó nói niệm lớn thì đây gọi Tâm lớn. Đó nói gắng niệm hết sức thì đây nói mạnh mẽ không tiếc thân mạng. Đó nói niệm nhỏ thường bị tán loạn thì đây nói hơn cả nguyện lực trăm năm. Há không phải là đều khiến mạnh mẽ lớn tiếng niệm Phật, tuy ít mà công hiệu nhiều? Nếu nhỏ tiếng niệm Phật tuy nhiều mà công hiệu ít. Cho nên nói mười niệm hơn cả trăm năm. Thời nay phần nhiều thấy người đời niệm Phật đều không tinh chuyên, tán tâm, niệm chậm khiến cho hiện đời thành công rất ít, khi qua đời việc cảm ứng rất ít. Cho nên nay đặc biệt chỉ bày pháp này khẩn thiết khuyên khi niệm Phật thì phải nhất tâm bất loạn, lớn tiếng niệm Phật, từng tiếng nối nhau, không bao lâu sẽ được thành công.

**25. So sánh công đức niệm Phật của Thiên Trúc Sâm chủ Tuân Thúc.**

**Kinh Đại Niết-bàn** nói: “Giả sử trong suốt một tháng thường cúng dường y phục, thức ăn cho tất cả chúng sinh thì không bằng một phần mười sáu công đức của người niệm một câu Phật. Giả sử rèn vàng làm người dùng xe ngựa chở chuyên cho đến dùng trăm thứ báu mà bố thí mọi người thì không bằng công đức hướng trước Phật bước đến một bước. Giả sử có người đem voi xe lớn chở hết các báu vật chuỗi ngọc trong nước Đại Tần, số nhiều trăm muôn dùng để bố thí thì cũng không bằng phát tâm hướng trước Phật bước đến một bước. Nếu cúng dường bốn thứ cho tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới thì cũng không bằng phát tâm hướng trước Phật bước đến một bước, vì công đức này vô lượng vô biên.” Vậy khuyên khắp các nam nữ tín tâm tại gia mỗi buổi sáng nên mặc áo sạch, tịnh tâm đánh lễ tượng Phật xem như Phật thật không khác. Đừng để một ngày bỏ phước. Nếu công việc bận rộn gấp gáp thì cũng phải chú tâm vào Phật đường, đốt hương trước Phật lay một lay. Nếu được rảnh rang thì sớm chiều chớ bỏ. Chẳng nệ sớm tối, xin đem một niệm niệm Phật và bước đến chỗ Phật một bước công đức rất cao quý. Hướng là từng bước, từng niệm, đi nhiều niệm Phật thì diệt tội chướng và được công đức chẳng thể suy nghĩ nói năng được.

**26. Pháp ngồi thiền quán tưởng vãng sinh của Thiên Trúc Sâm chủ Tuân Thúc.**

Muốn tu quán vãng sinh thì phải ở một nơi, ngồi trên giường dây, xoay mặt về hướng Tây thì dễ quán tưởng, vì biểu thị đúng hướng. Cho nên ngồi kiết già thẳng cổ và xương sống thẳng hàng chẳng uốn chẳng khom, hơi thở điều hòa, tâm yên định. Nhưng môn tu quán trong kinh luận có nói rất nhiều. Kể sơ tâm phàm phu đâu thể tu tập khắp hết. Nay vì dễ dễ tưởng nên nêu hai thứ mà tùy nghi, không cần cả hai thứ. Nếu có quán tưởng khác đã thuần thực thì mặc tình thuận tiện, chỉ không lìa pháp môn Tịnh độ thì đều nên tu tập. Nói hai thứ:

1. Giúp ý quán khắp, ngồi xong thì tự tưởng, tức thời công phu đã tu hợp với vãng sinh thế giới Cực lạc. Khi đó khởi tưởng sinh về cõi nước ấy ngồi kiết già trong hoa sen, hoa sen khép lại, tưởng hoa sen nở ra. Khi hoa nở ra thì tưởng có ánh sáng năm trăm sắc (mầu) chiếu đến thân mình. Tưởng mắt mở ra, tưởng thấy Phật, Bồ-tát và cõi nước, tưởng ở trước Phật ngồi nghe Pháp mầu. Tất cả tiếng đều nói những pháp mà mình thích nghe, đều rất hợp với mười hai bộ kinh. Lúc đó phải giữ cho

tâm bền chắc không loạn, tâm tưởng rõ ràng như thấy trước mắt, rất lâu mới đứng dậy.

2. Tưởng thẳng Phật A-di-đà thân vàng tượng sáu ngời trên hoa, rồi chú tưởng vào giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng dài một tấc, chu vi năm tấc, ngoài có tám cạnh (góc), bên trong rỗng, xoắn về bên phải ở giữa hai đầu chân mày rất trong suốt sáng sủa, không diễn tả hết được, ánh sáng của nó soi rõ mặt Phật rõ ràng. Khi thực hành tưởng này thì dừng tâm chú tưởng bền chắc không dời, sau khi thực hành quán tưởng này thì nghĩ việc thấy Phật hoặc chưa thấy đều là nhân duyên không thực, các tướng hiện ra đều là không, như mặt mày trong gương, như trăng trong nước, như mộng như huyễn, tuy không nhưng cũng thấy được, đều do tâm tánh hiện ra. Tất cả đều do tự tâm mà tâm không tự biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Tâm có tướng là si, không tướng là Niết-bàn. Tâm có Tâm không đều gọi là có tướng, đều gọi là si, không thấy pháp tánh. Pháp do nhân duyên sinh tức không, giả, trung, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải ngang, chẳng phải dọc, chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Tâm tưởng vắng lặng thì sẽ thành tựu niệm Phật Tam-muội, lâu rồi mới đứng dậy.

### ***27. Thuật niệm Phật tu tâm của Pháp sư Sơn Đường Ngạn Luân.***

Các kinh Đại thừa khuyên sinh Tịnh độ nhân chung cho hai thứ định và tán. Định là tức Tâm quán Phật, tướng y chánh, chủ bản của cõi Tây phương kia, chỉ tâm vốn đủ, vì tâm ta không nên Như Lai vốn không, vì tâm ta là giả nên Như Lai rõ ràng cũng thế, vì tâm ta trung nên Như Lai dứt đối đãi. Hoặc tưởng hoa sen nở ra khép vào ta ở trong ấy. Khép là biểu thị cho không, nở là biểu thị cho giả, bốn vi đồng thể biểu thị cho trung đạo. Nên kinh nói các Đức Phật Như Lai là thân pháp giới nhập vào tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Nên khi tâm ta tưởng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy làm Phật, Tâm ấy là Phật. Đây chính là Như Lai đích thân chỉ bày duy tâm Tam-muội viên thường quán thể, hiểu rõ y chánh sắc tâm của Tịnh độ ấy đều từ tâm ta, tánh sẵn có công đức, tức cảnh là quán. Ngoài tâm không Phật, ngoài tánh không có cõi, quán mãi không thôi, chứng vô sinh nhẫn, hai là tán thiện, dùng tâm thuần thành chân thật tin có Tây phương, nhất tâm bất loạn, niệm Phật Di-đà một ngày đến bảy ngày từng tiếng không dứt, từng niệm không xen. Kinh nói chấp trì danh hiệu một ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn. Khi người này qua đời thì Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mắt. Song việc tưởng



nước ấy không có ba pháp quán nên gọi là tán thiện mà thôi. Cho nên ba thứ tịnh nghiệp (thân, khẩu, ý) hồi hướng nguyện sinh đều chứng Cực lạc. Ngài Trí giả nói: Căn có lợi độn, hạnh có định, tán. Tam-muội quán Phật gọi là định tu các nghiệp lành khác gọi là tán. Năng lực của tán thiện yếu kém không thể diệt trừ được năm tội nghịch. Kinh này nói quán được vãng sinh là biết hoặc định hoặc tán, hoặc độn hoặc lợi đều là nhân Tịnh độ, đều đến vô sinh, không bao giờ lui sụt.

**28. Luận Bảo Vương chọn bày nghiã vãng sinh của Thiên sư Thảo Đường Phi Tích.**

Hỏi: Người học đạo Phật mà tâm tán loạn khó kềm thúc, nay muốn được xuyên suốt, chuyên niệm Đức Phật Tây phương, bước lên giai vị không lui sụt, bỏ tâm hữu lậu, nương thuyền nhỏ mà về ao vàng, lễ Phật A-di-đà ở điện Bạch ngọc để thông ba cõi, suốt chín phẩm có được chăng?

Đáp: Luận Thập Trụ Bà-sa ngài Long Thọ nói: Đạo Bồ-tát có hạnh khó làm như đất bằng mà đi thuyền. Có hạnh dễ làm như đường nước mà đi thuyền. Năng lực bốn nguyện của Phật A-di-đà nếu có người nghe danh hiệu xưng niệm mà cầu sinh về nước ấy thì như thuyền gặp nước, lại gặp gió thuận, một khi ra đi thì ngàn dặm cũng dễ thì vua cha và sáu vạn người họ Thích quyến thuộc của Như Lai đều sinh cõi Cực lạc. Bởi Phật và chúng sinh ở thế giới này có duyên sâu, cho nên chuyên chú một cảnh cũng chẳng tốt sao?

Hỏi: Người đời phần nhiều lấy ngọc báu, thủy tinh, kim cương Bồ-đề gỗ đá làm chuỗi, tôi thì lấy hơi thở làm chuỗi. Xưng niệm danh hiệu Phật mà theo hơi thở là có chỗ nương cậy vững chắc, đâu sợ một hơi không trở lại thì thuộc đời sau. Tôi đi đứng nằm ngồi đều dùng chuỗi này, khiến khi ngủ ngậm Phật mà ngủ, khi thức dậy liền tiếp tục, thì ở trong mộng được thấy Phật. Phật như cái dùi lửa, khói bay lên trước lửa, mộng thấy không thôi thì Tam-muội sẽ thành, thấy được sợi lông trắng, được Phật thọ ký thì muôn người không sót một.

Hỏi: Một niệm, mười niệm vãng sinh Tịnh độ thì pháp nào là chánh?

Đáp: Chỉ cần một niệm vãng sinh trụ giai vị không lui sụt là chánh. Như Phật đã nói kẻ chê bai Phật, hủy kinh, đánh Tăng, chửi bậc Tôn trưởng, năm tội nghịch, bốn tội trọng đều một niệm nghiệp ác mà thành thì đọa địa ngục Vô gián cũng như tên bắn. Nay niệm Phật mà sinh Tịnh độ cũng một niệm nghiệp lành mà thành liền sinh về Cực lạc, cũng như

thời gian co duỗi cánh tay một niệm trước năm ấm diệt, một niệm sau năm ấm sinh. Như ấn bằng sấp in vào bùn, giơ ấn lên thì chữ thành, còn chẳng cần hai niệm, há đến mười niệm. Lại một niệm thì như kinh nói: Sa-di thích tô lạc sinh một niệm yêu thích thì sau liền thành sâu trong tô lạc. Đây chỉ một niệm không phải mười niệm. Lại kinh Đại Vô Lượng Thọ nói một niệm niệm Phật đều được vãng sinh. Mười niệm của kinh Quán cũng do đây. Bởi bị bệnh gây ốm sức yếu tâm kém cho nên phải mười niệm xưng danh Di-đà để giúp sức niệm ấy. Nếu tâm mạnh mẽ không mê thì một niệm liền sinh. Cũng như vừa gieo trồng chút ít hạt giống mà phát triển thành vườn tược gấp trăm lần.

Hỏi: Trong kinh Phương Đẳng nói tu thiền định vô thượng sâu mầu để dứt bỏ vọng tưởng, quán tưởng sợi lông trắng gồm xưng niệm danh hiệu Phật để cầu thắng định. Từ sau khi khế hợp thì hai thứ tâm, Phật đều quên, tin điều đó là có. Chỉ thăm niệm suốt trong tức Tam-muội tự đến. Cần gì phải tiếng tăm ồn ào làng xóm, chấn động núi rừng, sau đó mới là đạo?

Đáp: Thật như lời hỏi, tiếng cũng không cần câu nệ lắm. Vì sao? vì cốt yếu của tán là còn ở tiếng, tiếng không cố gắng hết sức thì tâm hơi hợt lông bông không định. Tiếng mà cố gắng hết sức thì nhỏ cả gốc rễ cỏ tranh, thúc dục ở sau, khi qua đời thì bỏ hết trăm lo là nghĩa thứ nhất. Gần thì lấy chỗ âm thanh và ánh sáng đến được mà muôn họa tiêu tan, công đức nhóm hợp như ngàn núi xinh tươi là nghĩa thứ hai. Xa mà nói thì kim dung rực rỡ, tung rải hoa báu mưa tí tách trên không như chỉ tay trong lòng bàn tay đều là tiếng gây nên cả, là nghĩa thứ ba. Như kéo gỗ đá nặng mà không tiến lên, khi hồng âm lên tiếng thì nâng nhẹ như bông là nghĩa thứ tư. Đánh nhau với ma quân, cờ, trống inh ỏi, dùng tiếng làm khí giới để định yên phá cường địch là nghĩa thứ năm. Đủ các nghĩa này còn sợ sệt gì. Nếu chưa yên tĩnh cả hai toàn chỉ quán cùng hợp mà chẳng được ý Phật đó sao? Định tuệ nếu bằng nhau thì quên cả tâm và Phật, thật như điều hỏi. Cho nên ngài Lô sơn Tuệ Viễn trong bài tựa niệm Phật Tam-muội có nói: Công cao dễ tiến thì Niệm Phật đứng đầu. Xét tiếng huyền đánh lên, tâm nghe thì trần lụy liền tiêu, trệ tình được sáng suốt, nếu không phải chỗ chí diệu trong thiên hạ thì ai có thể sánh với đây ư? Nói kẻ mình chứng chưa bằng như kệ Hoa Nghiêm nói thà chịu vô lượng khổ mà được nghe thanh âm của Phật, chứ không chịu hưởng tất cả điều vui mà không nghe danh hiệu Phật, song tiếng Phật chấn động xa khai mở mầm mống lành, cũng như tiếng sấm mùa xuân chấn động cả muôn loài thảo mộc. Đâu được khinh thường?

### **29. Niệm Phật phương tiện của quan Ty Giác Giang Công Vọng.**

Ông là người ở Nghiêm Châu, trí thức cao sáng, tuổi nhỏ thi đậu, vào niên hiệu Sùng Ninh nổi tiếng là dùng lời thẳng can gián. Đương thời rục rờ tông môn, tham học Thiện tri thức, ăn rau dưa mặc áo vải, dồi mài tiết hạnh. Tuổi già chuyên tu Tịnh nghiệp ngộ nhập Tam-muội niệm Phật, có văn niệm Phật phương tiện khắc đá, lưu truyền chỉ dẫn chúng sinh. Cuối niên hiệu Tuyên Hòa ông coi Quảng Tế quân. Một hôm, chẳng bệnh ngồi kiết già mà hóa. Biết là ông đã về Tịnh độ vậy. Văn ông viết:

Pháp thế gian xuất thế gian muốn được thành tựu, ít tổn sức thì không gì bằng giữ tâm vào một duyên, chỉ xưng niệm danh hiệu A-di-đà Phật. Nếu niệm ra tiếng lâu ngày không chỉ hao tổn tạng khí, răng lười gõ khua, tâm niệm náo động, tai bèn phân biệt thức sinh, tánh nghe bị dao động, hễ ra rồi thì không trở lại, ba thứ ấy chứa nhóm lâu ngày thành nhọc; hoặc biếng lười, chỉ tâm niệm, không niệm ra tiếng, tâm có lóng lạng nhưng chưa được tuệ chiếu, đâu được phản văn. Ngoài căn chẳng kéo trong đối chẳng sinh, chìm trong mê tối, dễ thành quên mất. Có phương tiện khéo không cần động môi miệng, chẳng phát âm thanh. Lấy lưỡi gõ vào răng cửa, tâm niệm tùy ứng, tùy tâm định lượng, theo nghiệp phát hiện, lưỡi và ý căn, trong niệm niệm đều có bốn chữ A-di-đà Phật, âm thanh rõ ràng, có thể bày tiếng mà chẳng vượt tai nghe. Trong tánh chứa tâm, ứng với cơ lưỡi, cơ kéo niệm căn, tâm khiêu ở lưỡi, gõ động lỗ tai, cơ cơ lại niệm, gửi ở trong tai. Từ nghe vào dòng là nghe trở lại tịnh nguyên, vắng lặng mà nghe tánh không, ba thứ ấy dung hội nhau thì niệm niệm viên thông. Trái tim hiện bốn tánh Di-đà, thân năm trước đạo chơi cõi tịnh duy tâm. Lâu ngày bèn thành tựu duy tâm thức quán, hạng người lợi căn như thế thì niệm niệm không sinh, tâm tâm không có chỗ, sáu căn yên vắng, các thức tiêu tan. Pháp pháp toàn chân, môn môn bất đối đãi. Nháy mắt liền thành chân như thật quán. Kể sơ cơ hậu học chỉ trừ khi có khách hỏi chuyện hàn ôn và lúc đại tiểu tiện thì có thể tạm dừng niệm. Nếu chưa khỏi việc ăn uống ngủ nghỉ, chưa đến khi ngủ mê cho đến làm các công việc nhà thì không phải bỏ việc, cũng chẳng ngại gì tâm miệng từng niệm từng tiếng xưng tụng Thánh hiệu. Lại nếu có những ý nghĩ xấu ác phát ra ở tâm thì tự nhiên thuần nhất không xen tạp. Nếu nhiếp cả sáu căn, Tịnh niệm nối nhau thì không quá một tuần trăng liền thành Tam-muội. Đó gọi là tâm ấy làm Phật, tâm ấy thấy Phật, tâm ấy là Phật. Bậc thượng căn đại khí một niệm liền siêu, kẻ bình thường thì phải khéo quán phương tiện.

Điều Đài Giang Công Vọng trình bày.

Phương pháp niệm Phật như Từ Vân Sám chủ và luận Bảo Vương chỉ bày, còn trước thuật của Giang Công Vọng cũng có thể nhiếp một cơ riêng. Bởi tất đàn độ khắp đều được.

**30. An tượng Phật A-di-đà trong nhà Vô Thường, xuất xứ trong Vô Tận Đăng.**

Phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm chép: Lại phát ánh sáng gọi là thấy Phật. Ánh sáng này giác ngộ kẻ sắp chết khiến nhớ nghĩ thấy Như Lai, khi qua đời được sinh cõi tịnh. Thấy khi có người sắp qua đời thì khuyên niệm Phật. Lại bày tôn tượng khiến kính lễ, dạy quy kính Phật, thế nên thành tựu được ánh sáng này. Khiến thấy Phật thì một là không sợ chết, hai là không sợ đường ác. Lại khi qua đời khuyên niệm Phật thì như luận Trí Độ 28 chép: Thời gian ít ỏi khi sắp qua đời mà hơn cả năng lực tu hành trọn đời vì nó rất mạnh mẽ nhanh chóng, ví như lửa, như chất độc. Y theo pháp ở Tây vực thì ở góc Tây bắc của Kỳ viên hướng mặt trời lặn là nhà Vô Thường. Nếu có người bệnh thì đặt trong viện ấy. Hễ người tham nhiệm nếu an trí họ trong phòng, nhìn thấy y bát và các đồ dùng liền sinh đấm trước mà không chán bỏ. Cho nên dạy để chỗ riêng gọi là nhà Vô thường. Người đi rất đông trở về chỉ một, hai, ngay nơi sự mà cầu pháp chuyên tâm niệm. Theo trong viện ấy đặt một tượng Phật đứng sơn thếp vàng ròng mặt hướng về Tây, tay phải tượng buông xuôi, trong tay cầm một cái phướng năm màu, rủ xuống đến đất. Để người bệnh ở sau tượng, tay trái cầm lá phướng, với ý nghĩa là vãng sinh theo Phật. Người nuôi bệnh đốt hương, rải hoa, đánh khánh, niệm Phật để giúp trang nghiêm người bệnh. Nếu người bệnh có tiêu, tiểu, ói mửa thì liền dẹp đi, người ấy cũng không có tội. Hướng Phật không hề yêu, ghét, hễ có người nào nương về thì đều cứu độ. Lại vì người bệnh tùy cơ nói pháp, khi chết để yên bên Phật không được dời đi. Đợi thần thức dạo cảnh tịnh thì để hay đời không ngại. Cố gắng làm theo như đây.

**31. Lâm chung chánh niệm quyết của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.**

Tri Quy Tử đến hỏi Hòa thượng Tịnh Nghiệp rằng: Việc lớn ở đời không gì bằng sinh tử, một hơi thở không trở lại thì thuộc đời sau, nếu một niệm sai lầm thì đọa vào luân hồi. Tiểu Tử tôi rất mong ngài chỉ dạy cho pháp niệm Phật vãng sinh. Lý ấy tuy rất rõ ràng nhưng sợ người

bệnh khi chết đến thì tâm thức tán loạn, lại lo người nhà làm mê loạn chánh niệm mà quên mất Tịnh nhân. Lại mong ngài chỉ cho đường tắt giúp mau thoát khổ đắm chìm.

Sư nói: Lạ thay lời hỏi. Hễ người sắp chết muốn được vãng sinh Tịnh độ thì trước phải chuẩn bị không được sợ chết ham sống. Luôn nghĩ rằng thân ta hiện tại bị rất nhiều các khổ, nghiệp ác, bất tịnh... các thứ cùng trói cột. Nếu bỏ được uế thân này mà vãng sinh Tịnh độ thì được vô lượng điều vui sướng, thấy Phật nghe pháp, lìa khổ giải thoát là việc rất vừa ý, như bỏ áo cũ rách, hôi hám mà được mặc áo quý đẹp. Bỏ hết thân tâm không còn tham đắm. Khi mới bị bệnh bất luận nặng nhẹ liền nghĩ vô thường, một lòng đợi chết. Cần dặn dò người nhà, người nuôi bệnh và người đến thăm viếng rằng: Hễ đến trước tôi chỉ nên niệm Phật giúp tôi, không được nói nhiều chuyện lật vật trong nhà, hay dở tốt xấu. Cũng không nên nhỏ nhẹ an ủi ta, chúc ta an vui. Những lời này đều là lời luống dối không thực, sẽ gây tai họa. Khi bệnh nặng sắp chết thì người nhà thân thuộc không được đến trước ta mà khóc lóc, lên tiếng than thở buồn thương, làm rối loạn tâm thần mà mất chánh niệm. Chỉ cần ghi nhớ lấy câu A-di-đà Phật cùng lúc lớn tiếng niệm Phật giúp tôi cho đến lúc tôi dứt hơi. Đợi dứt rất lâu rồi mới được khóc lóc. Nếu có người hiểu rõ Tịnh độ đến khuyên gắng là tốt nhất. Nếu làm được như thế thì ngàn muôn vãng sinh ắt chẳng nghi ngờ lo lắng gì. Điều này rất thiết yếu phải tin tưởng làm theo.

Hỏi: Cầu thầy trị bệnh cho thuốc chẳng cần ư?

Đáp: Đây là luận về dụng tâm. Còn việc thầy thuốc trị liệu không ngại gì cả. Nhưng thuốc chỉ cứu được bệnh mà không cứu được mạng. Nếu mạng hết thì thuốc có làm gì được.

Hỏi: Cầu nguyện thân linh, họa, phước thì như thế nào?

Đáp: Mạng người thọ yếu sinh ra đã định, sao lại nhờ quỷ thần kéo dài thêm được? Người đời mê lầm trở lại cầu tà giết hại chúng sinh cúng tế quỷ thần, chỉ thêm tội nghiệp, lại kết thêm oán thù mà còn tổn thọ. Nếu mạng số hết thì quỷ nhỏ cũng chẳng làm gì được. Càng luống sợ sệt mà chẳng cứu giúp được. Hãy rất cẩn thận. Đem bài văn này dán trong nhà ở chỗ ăn uống hoặc nơi nhiều người thường qua lại khiến luôn đọc thấy mà ghi nhớ vào lòng, để phòng khi gặp nguy mà quên mất.

Hỏi: Lúc bình thường chưa hề niệm Phật khi sắp chết niệm Phật có hiệu nghiệm chăng?

Đáp: Pháp lành này người xuất gia, người tại gia và người chẳng niệm Phật thực hành đều được vãng sinh, quyết không nghi ngại. Tôi

thấy phần nhiều người đời lúc bình thường thì niệm Phật lễ bái, phát nguyện vãng sinh. Đến lúc bệnh hoạn sắp chết thì lại sợ chết, không thấy nói đến việc vãng sinh nữa. Đợi đến lúc hơi thở đã dứt, thần thức xuống âm phủ rồi mới niệm mười niệm, cũng như giấc cướp đã tràn qua cửa ải thì có làm gì được nữa. Huống chi chết là việc lớn, cần phải chuẩn bị trước. Một niệm dần dà thì muôn kiếp chịu khổ, có ai chịu thay ta. Hãy suy nghĩ kỹ, suy nghĩ kỹ.

**32. Khi sắp qua đời thỉnh tăng niệm Phật có cảm ứng, xuất xứ từ Bảo Châu Tập.**

Thời gần đây, Trưởng lão Ngô Công ở Cô Tô lui về ở Dương châu mà dứt duyên đời, thường ngày niệm Phật rất siêng năng. Có người hỏi vì sao tin tưởng quá thế. Ngô công vui vẻ bảo rằng: Khi tôi trụ chùa Vạn thọ gặp Tập Duy-na bị bệnh không lành, bèn hai lần thỉnh tăng chúng niệm Phật. Sau khi chết thì chúng trong liêu có người chê ông là ngạo mạn, vào nhà trên sắp ngủ, bỗng nghe trên rường nhà có tiếng bảo: “Tập đã sinh Tịnh độ”. Bèn nghi ngờ rằng ông không tu tịnh nghiệp thì làm sao được vãng sinh. Thì lại có tiếng bảo: Khi ông ấy sắp chết đã hai lần thỉnh chúng niệm Phật, khen ngợi hồi lâu, tự đó đầu thành. Tôi nghe Ngô nói xong, nhân nhớ lại Pháp sư Đạo Nhân bảo Đường Minh Hoàng rằng: “Sức Phật, sức pháp, ba hiền mười Thánh cũng không thể lường biết được”, thì biết người trần thế khó lấy tình thức mà đoán biết. Nên chỉ tin chắc mà thực hành theo.

Một hạt hoàn đơn mà chỉ sắt thành vàng, một lời chân lý đổi phàm thành Thánh. Di-đà giáo quán thật là thuốc hay, điểm sắt thành vàng ròng. Phật ấy từ vô số kiếp đến nay tu hành thành tựu thân, thành tựu nước, phát bốn mươi tám lời nguyện, cuối cùng chứng quả oai đức, ánh sáng chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Kinh Quán nói nghe một câu danh hiệu Phật thì diệt trừ được tội nặng tám mươi ức kiếp sinh tử. Còn như người gây năm tội nghịch, mười điều ác, lúc sắp chết gặp Thiện tri thức dạy xưng niệm mười câu Phật liền được vãng sinh. Thế mới biết thỉnh chúng niệm Phật liền có cảm ứng. Vì sao người đời chẳng biết niệm Phật là thuốc điểm sắt thành vàng mà cầu vãng sinh. Tuy có người biết mà không khởi lòng tin sâu chắc, nhân do dự biếng lười cam tâm chịu năm trước, trôi giạt trong sinh tử chịu các khổ, thật đáng thương xót! Nhân lúc người còn khỏe mạnh mà thỉnh chúng tăng niệm Phật, sám tội giải oan thực hành pháp quyết định vãng sinh. Huống gì khi bệnh nặng, lúc sợ sệt sinh tử mà có thể mạnh mẽ phát tâm, thỉnh người tu



Tịnh nghiệp đã lâu làm Phật sự lớn để giúp vãng sinh Tây phương, đây là việc quan trọng. Xem việc tập Duy-na lúc qua đời niệm Phật thật là gương sáng cho người đời noi theo.

**33. Lúc ngủ nhập quán, phát nguyện thấy Phật, xuất xứ từ Đại tạng tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi.**

Người tu Tịnh nghiệp hễ lúc ngủ và nhập quán thì trước phải đứng chấp tay một lòng hướng về phía Tây niệm mười câu A-Di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải chúng, sau đó đối trước Phật mà phát nguyện rằng: “Đệ tử... hiện là phàm phu sinh tử, tội chướng sâu nặng, luân hồi sáu đường khổ chẳng thể nói hết. Nay gặp Thiện tri thức, được nghe danh hiệu, bốn nguyện Di-đà, một lòng xưng niệm cầu nguyện vãng sinh. Nguyện Phật thương xót, đưa tay dắt dẫn. Đệ tử chẳng biết Di-đà Thế Tôn thân tướng sáng rỡ, nguyện Phật, Bồ-tát thị hiện thân tướng, và thế giới kia trang nghiêm...”. Nói xong, nhất tâm chánh niệm rồi nhập quán và ngủ. Hoặc có người ngay khi phát nguyện thì thấy các tướng đẹp. Hoặc ở trong quán được thấy, hoặc lúc ngủ mộng thấy. Nguyện này đến nay rất có hiệu nghiệm không thể kể xiết. Rất mong gắng chí cố làm mới tin là không luống dối.

**34. Sớ hội mừng sám lễ Phật của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.**

Kính vì: Di-đà nương tâm chúng sinh mà phát hiện, chúng sinh nương nguyện trí của Di-đà mà thoát khỏi buộc ràng. Ngoài ứng vô cơ, tức chư Phật ở trong tâm chúng sinh. Ngoài cơ vô ứng tức chúng sinh ở trong tâm các Đức Phật. Chúng sinh và Phật như một, cảm ứng đồng giao. Trăm lỗi đều dứt, bốn vận cùng đầy. Như thế thì từng niệm chẳng sinh nghi, từng tiếng đều giải thoát. May gặp được việc tốt, nguyện kết nhân lành, chứa nhóm tư lương, rộng hẹn đạo tâm của đại chúng xuất gia, tại gia cùng phát, thắp tập mười năm chột viên, trong ngoài vui mừng rập mình sám hối. Cúi mong Di-đà cha lành, Thích-ca thầy tốt. một Chiết một Nhiếp mà cùng thành thực cơ duyên. Không bè phái không thiên lệch mà đồng thành nghiệp tốt. Mong xa gần tình hết, tịnh uest đều quên. Chẳng đợi Di-lặc hạ sinh, mau chứng thượng phẩm ở Tịch Quang. Móc sắt móc voi dạo chơi khắp Liên xã. Ấn sấp ấn bùn liền dự vào ao hoa báu, gieo mình đến chết, khắc cốt ghi tâm. Trên mong hồng ân từ bi chứng giám. Cung kính dâng sớ.